

**KÌ THI THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoảng ngày: 01/5/2025

**KẾT QUẢ THI**

**Phòng 1**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |     | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-----|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500001 | Đỗ Quang           | An  | 20/07/2010 | THCS Phú Đô     | 6.5  | 4.75 | 4.5    | 15.75 |
| 2   | 03500002 | Nguyễn Hoài        | An  | 09/03/2010 | THCS Giang Tiên | 6.25 | 7.5  | 6.75   | 20.5  |
| 3   | 03500003 | Nguyễn Hoàng Mai   | An  | 19/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7    | 7.5  | 5.25   | 19.75 |
| 4   | 03500004 | Nguyễn Thị Hồng    | An  | 13/04/2010 | THCS Tức Tranh  | 5.25 | 3.75 | 3.5    | 12.5  |
| 5   | 03500005 | Nông Quốc          | An  | 15/05/2010 | THCS NT PL      | 6    |      |        | 6     |
| 6   | 03500006 | Phạm Văn           | An  | 04/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.5  | 5.75 | 2.25   | 12.5  |
| 7   | 03500007 | Bạch Trường        | Anh | 28/01/2010 | THCS TT Đu      | 3.75 | 6    | 2.75   | 12.5  |
| 8   | 03500008 | Bùi Lan            | Anh | 15/07/2010 | THCS SC 1       | 6.25 | 7.5  | 6.25   | 20    |
| 9   | 03500009 | Chu Thị Hoàng      | Anh | 29/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 5.75 | 7    | 2      | 14.75 |
| 10  | 03500010 | Dương Mai          | Anh | 09/11/2010 | THCS Tức Tranh  | 4.5  | 5.25 | 3.75   | 13.5  |
| 11  | 03500011 | Dương Thị Quỳnh    | Anh | 06/11/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 4.5  | 6    | 3.5    | 14    |
| 12  | 03500012 | Đặng Dương Hải     | Anh | 01/12/2010 | THCS Vô Tranh   | 1.75 | 6.25 | 4      | 12    |
| 13  | 03500013 | Đinh Nguyễn Lan    | Anh | 03/09/2010 | THCS SC 1       | 3    | 6    | 4.5    | 13.5  |
| 14  | 03500014 | Đinh Thị Phương    | Anh | 03/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7.75 | 6.25 | 6.5    | 20.5  |
| 15  | 03500015 | Đoàn Vũ Tuấn       | Anh | 02/08/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 6.25 | 5.75 | 4      | 16    |
| 16  | 03500016 | Hà Ngọc            | Anh | 12/7/2010  | THCS TT Đu      | 1    | 5.75 | 2.25   | 9     |
| 17  | 03500017 | La Thị Vân         | Anh | 24/10/2009 | THCS Vô Tranh   | 1    | 5.25 | 2      | 8.25  |
| 18  | 03500018 | Lê Ngọc            | Anh | 31/08/2010 | THCS Tức Tranh  | 2    | 6.5  | 3      | 11.5  |
| 19  | 03500019 | Lương Thị Phương   | Anh | 29/07/2010 | THCS Yên Lạc    | 5    | 6.25 | 4.25   | 15.5  |
| 20  | 03500020 | Lưu Tuấn           | Anh | 07/12/2010 | THCS TT Đu      | 3    | 3.75 | 3.5    | 10.25 |
| 21  | 03500021 | Ngô Tuấn           | Anh | 14/04/2010 | THCS Minh Lập   | 5.25 | 5.75 | 2.5    | 13.5  |
| 22  | 03500022 | Nguyễn Hoàng       | Anh | 25/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 0.5  | 5.25 | 1.75   | 7.5   |
| 23  | 03500023 | Nguyễn Lan         | Anh | 22/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.25 | 7.25 | 6      | 19.5  |
| 24  | 03500024 | Nguyễn Mai         | Anh | 22/02/2010 | THCS TT Đu      | 3.25 | 5.75 | 3.5    | 12.5  |
| 25  | 03500025 | Nguyễn Ngọc        | Anh | 24/07/2010 | THCS Tức Tranh  | 7    | 6.5  | 7      | 20.5  |
| 26  | 03500026 | Nguyễn Ngọc        | Anh | 27/09/2010 | THCS Vô Tranh   |      |      |        | 0     |
| 27  | 03500027 | Nguyễn Tuấn        | Anh | 21/06/2010 | THCS Tân Long   | 5.25 | 5.25 | 6.25   | 16.75 |
| 28  | 03500028 | Nguyễn Tuấn        | Anh | 20/01/2010 | THCS TT Đu      | 3    | 3.5  | 3.25   | 9.75  |
| 29  | 03500029 | Nguyễn Văn         | Anh | 09/07/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 7    | 6.25 | 4      | 17.25 |
| 30  | 03500030 | Phạm Mai           | Anh | 05/03/2010 | THCS TT Đu      | 9.25 | 7.25 | 7.75   | 24.25 |
| 31  | 03500031 | Phạm Thị Lan       | Anh | 25/02/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 9    | 6.5  | 7      | 22.5  |
| 32  | 03500032 | Phạm Thị Phương    | Anh | 27/10/2010 | THCS Giang Tiên | 4.75 | 6.25 | 3.75   | 14.75 |
| 33  | 03500033 | Phan Nguyễn Phương | Anh | 18/12/2010 | THCS Tức Tranh  | 3.5  | 6.5  | 5.75   | 15.75 |

Danh sách có 33 học sinh

**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khóa ngày: 1/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 2**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |      | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|------|------------|----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500034 | Tạ Thị Mai         | Anh  | 14/11/2010 | THCS Yên Lạc   | 1    | 5.25 | 3.25    | 9.5   |
| 2   | 03500035 | Tô Hải             | Anh  | 12/01/2010 | THCS Tức Tranh | 1    | 3.75 | 2.75    | 7.5   |
| 3   | 03500036 | Tô Huyền           | Anh  |            |                | 4.5  | 6    | 3.5     | 14    |
| 4   | 03500037 | Tổng Thị Hà        | Anh  | 01/04/2010 | THCS Vô Tranh  | 7.5  | 6.5  | 4.5     | 18.5  |
| 5   | 03500038 | Trần Hoàng Trang   | Anh  | 22/07/2010 | THCS Tức Tranh | 4.25 | 6.5  | 5.25    | 16    |
| 6   | 03500039 | Bùi Thị Ngọc       | Ảnh  | 15/09/2010 | THCS Vô Tranh  | 3    | 7.25 | 2.25    | 12.5  |
| 7   | 03500040 | Đồng Thị Ngọc      | Ảnh  | 05/05/2010 | THCS Tức Tranh | 7.5  | 7.25 | 6       | 20.75 |
| 8   | 03500041 | Lê Thị Nhật        | Ảnh  | 17/08/2010 | THCS Tức Tranh | 6    | 7.25 | 4.75    | 18    |
| 9   | 03500042 | Lương Thị Hồng     | Ảnh  | 11/07/2010 | THCS Phần Mễ 1 | 8.5  | 5.75 | 7.25    | 21.5  |
| 10  | 03500043 | Nguyễn Ngọc        | Ảnh  | 26/08/2010 | THCS TT Đu     | 6.5  | 7    | 6       | 19.5  |
| 11  | 03500044 | Nguyễn Thị Hồng    | Ảnh  | 27/01/2010 | THCS Yên Lạc   | 1    | 6.5  | 2.75    | 10.25 |
| 12  | 03500045 | Phạm Ngọc          | Ảnh  | 08/12/2010 | THCS Tức Tranh | 2    | 4    | 3.75    | 9.75  |
| 13  | 03500046 | Phạm Ngọc          | Ảnh  | 06/11/2010 | THCS Tức Tranh | 6    | 6.25 | 5       | 17.25 |
| 14  | 03500047 | Phạm Thị Hồng      | Ảnh  | 21/10/2010 | THCS SC 1      | 6    | 5.75 | 4.75    | 16.5  |
| 15  | 03500048 | Trần Thị Hồng      | Ảnh  | 16/10/2010 | THCS Vô Tranh  | 2.75 | 4.75 | 3       | 10.5  |
| 16  | 03500049 | Trần Thị Nguyệt    | Ảnh  | 31/05/2010 | THCS Tức Tranh | 6.25 | 6.25 | 6       | 18.5  |
| 17  | 03500050 | Hoàng Phúc         | Ân   | 10/11/2010 | THCS Phần Mễ 1 | 3.75 | 0.25 | 4.25    | 8.25  |
| 18  | 03500051 | Dương Gia          | Bảo  | 07/07/2010 | THCS Minh Lập  |      |      |         | 0     |
| 19  | 03500052 | Lê Đức             | Bảo  | 15/04/2009 | THCS TT Đu     | 0    | 3.25 | 2.75    | 6     |
| 20  | 03500053 | Lê Gia             | Bảo  | 09/09/2009 | THCS Cổ Lũng   | 6.75 | 4    | 2.75    | 13.5  |
| 21  | 03500054 | Lương Đức          | Bảo  | 13/08/2010 | THCS SC 1      | 7    | 7    | 5.25    | 19.25 |
| 22  | 03500055 | Lương Gia          | Bảo  | 03/11/2010 | THCS Cổ Lũng   | 7    | 5.25 | 9.5     | 21.75 |
| 23  | 03500056 | Mạc Quốc           | Bảo  | 26/11/2010 | THCS Cổ Lũng   | 4.5  | 6.25 | 3       | 13.75 |
| 24  | 03500057 | Nịnh Gia           | Bảo  | 19/10/2010 | THCS Yên Lạc   | 1    | 4.75 | 3.5     | 9.25  |
| 25  | 03500058 | Trần Văn           | Bảo  | 27/01/2010 | THCS Tức Tranh | 0.25 | 4.25 | 4.5     | 9     |
| 26  | 03500059 | Vương Gia          | Bảo  | 11/09/2010 | THCS Cổ Lũng   | 4.5  | 4    | 6.25    | 14.75 |
| 27  | 03500060 | Nguyễn Thị Băng    | Băng | 28/04/2010 | THCS Vô Tranh  | 5.25 | 7.75 | 4       | 17    |
| 28  | 03500061 | Hầu Hoàng          | Bình | 28/03/2010 | THCS Tức Tranh | 1.75 | 4.25 | 4       | 10    |
| 29  | 03500062 | Lương Đức          | Bình | 13/08/2010 | THCS SC 1      | 6    | 6.25 | 5       | 17.25 |
| 30  | 03500063 | Lý Nam Phạm Phước  | Bình | 30/11/2010 | THCS NT PL     | 5    | 5.25 | 2.5     | 12.75 |
| 31  | 03500064 | Nguyễn Quang       | Bình | 27/10/2010 | THCS Minh Lập  | 5.5  | 6    | 2.75    | 14.25 |
| 32  | 03500065 | Nịnh Thùy          | Châm | 04/11/2010 | THCS Phú Đô    | 0.5  | 6    | 3.75    | 10.25 |
| 33  | 03500066 | Trịnh Bảo          | Châm | 16/06/2010 | THCS Phần Mễ 1 | 8.5  | 5.75 | 6.75    | 21    |

Danh sách có 33 học sinh

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500067 | Vũ Lê Quỳnh        | Châm   | 15/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.25 | 8    | 5      | 17.25 |
| 2   | 03500068 | Bạch Diệu          | Châu   | 12/12/2010 | THCS TT Đu      | 6.5  | 6    | 4.75   | 17.25 |
| 3   | 03500069 | Bùi Đặng Thùy      | Chi    | 09/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7    | 6.75 | 7.5    | 21.25 |
| 4   | 03500070 | Hoàng Mai          | Chi    | 27/02/2010 | THCS TT Đu      | 4.25 | 5    | 2.25   | 11.5  |
| 5   | 03500071 | Mã Quỳnh           | Chi    | 24/12/2010 | THCS SC1        | 7    | 5    | 5.25   | 17.25 |
| 6   | 03500072 | Nguyễn Khánh       | Chi    | 16/01/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.25 | 6.5  | 4.25   | 15    |
| 7   | 03500073 | Nguyễn Kim         | Chi    | 11/02/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.25 | 6    | 3.25   | 13.5  |
| 8   | 03500074 | Nguyễn Linh        | Chi    | 28/10/2010 | THCS Túc Tranh  | 4    | 6    | 4.25   | 14.25 |
| 9   | 03500075 | Nguyễn Thảo        | Chi    | 12/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6    | 6.5  | 4      | 16.5  |
| 10  | 03500076 | Nguyễn Thị Linh    | Chi    | 29/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 6    | 7.25 | 3      | 16.25 |
| 11  | 03500077 | Nguyễn Thùy        | Chi    | 18/01/2010 | THCS Hợp Thành  | 6    | 3.75 | 2.25   | 12    |
| 12  | 03500078 | Trần Diệp          | Chi    | 14/02/2010 | THCS SC 1       | 4    | 4.5  | 5      | 13.5  |
| 13  | 03500079 | Trình Mai          | Chi    | 20/03/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.75 | 5.25 | 4.25   | 14.25 |
| 14  | 03500080 | Vũ Khánh           | Chi    | 07/11/2010 | THCS TT Đu      | 7.5  | 6.25 | 5      | 18.75 |
| 15  | 03500081 | Dương Văn          | Chiến  | 13/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 5.5  | 2.25   | 11.25 |
| 16  | 03500082 | Lâm Hữu            | Chiến  | 25/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 2.5  | 5.5  | 1.75   | 9.75  |
| 17  | 03500083 | Nguyễn Xuân        | Chiến  | 06/01/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7.25 | 6    | 4      | 17.25 |
| 18  | 03500084 | Lê Phương          | Chinh  | 19/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 3.75 | 5.25 | 3.25   | 12.25 |
| 19  | 03500085 | Nguyễn Thanh       | Chúc   | 10/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.5  | 7.25 | 5.75   | 18.5  |
| 20  | 03500086 | Nguyễn Văn         | Chung  | 21/02/2010 | TH & THCS SC 2  | 8.5  | 6.25 | 5      | 19.75 |
| 21  | 03500087 | Vũ Hoàng           | Chương | 10/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8.5  | 6.5  | 3.25   | 18.25 |
| 22  | 03500088 | Trịnh Lê           | Công   | 27/09/2010 | THCS Túc Tranh  | 3.75 | 4.75 | 3.5    | 12    |
| 23  | 03500089 | Vũ Việt            | Cương  | 30/07/2010 | THCS Cổ Lũng    | 5.25 | 4    | 2      | 11.25 |
| 24  | 03500090 | Đoàn Ngọc          | Cường  | 27/04/2010 |                 | 3.5  | 5.75 | 4      | 13.25 |
| 25  | 03500091 | Hoàng Việt         | Cường  | 09/04/2010 | THCS Túc Tranh  | 0.25 | 2.5  | 1.25   | 4     |
| 26  | 03500092 | Lê Mạnh            | Cường  | 14/08/2010 | THCS Túc Tranh  | 2    | 6    | 2      | 10    |
| 27  | 03500093 | Nguyễn Hải         | Cường  | 30/08/2010 | THCS Giang Tiên | 6    | 4    | 5.5    | 15.5  |
| 28  | 03500094 | Nguyễn Hữu         | Cường  | 28/08/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 3    | 6.5  | 2.75   | 12.25 |
| 29  | 03500095 | Nguyễn Quốc        | Cường  | 05/01/2010 | THCS Phú Đô     | 9.75 | 6.5  | 6.75   | 23    |
| 30  | 03500096 | Nguyễn Văn         | Cường  | 19/02/2010 | THCS Phú Đô     | 5.25 | 2.75 | 3.75   | 11.75 |
| 31  | 03500097 | Trần Hoàng         | Cường  | 27/05/2010 | THCS SC 1       | 4.75 | 4.25 | 6      | 15    |
| 32  | 03500098 | Trần Hùng          | Cường  | 12/11/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 5.5  | 5.25 | 4.5    | 15.25 |
| 33  | 03500099 | Dương Trần Bảo     | Di     | 09/06/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.25 | 4    | 3.75   | 12    |

Danh sách có 33 học sinh

THPT TỨC TRANH  
KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2

Khoảng ngày: 10/5/2025

KẾT QUẢ THI  
Phòng 4

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh | Ngày sinh  | Lớp                | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|------------|--------------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500100 | Phạm Thị Ngọc      | 05/03/2010 | THCS Yên Lạc       | 1    | 6.25 | 1.25   | 8.5   |
| 2   | 03500101 | Triệu Thị          | 17/01/2010 | TH & THCS SC 2     | 5    | 7.5  | 3.25   | 15.75 |
| 3   | 03500102 | Tô Vĩnh            | 08/12/2010 | TH & THCS SC 2     | 0    | 3.75 | 2.25   | 6     |
| 4   | 03500103 | Trần Ngọc          | 30/10/2010 | THCS Tức Tranh     | 4.25 | 6    | 4.75   | 15    |
| 5   | 03500104 | Nghiêm Huyền       | 13/05/2010 | THCS Tức Tranh     | 6    | 7    | 5.5    | 18.5  |
| 6   | 03500105 | Dương Thị          | 11/02/2010 | THCS Phú Đô        | 1.75 | 5    | 4.25   | 11    |
| 7   | 03500106 | Nguyễn Ngọc        | 11/09/2010 | THCS Tức Tranh     | 5.5  | 5.25 | 6.5    | 17.25 |
| 8   | 03500107 | Phạm Phương        | 05/05/2010 | THCS Tức Tranh     | 7.25 | 7.5  | 5.25   | 20    |
| 9   | 03500108 | Bùi Mạnh           | 28/10/2010 | THCS Hoàng Văn Thụ | 9    | 6.75 | 8.5    | 24.25 |
| 10  | 03500109 | Đoàn Lâm           | 01/08/2010 | THCS TT Đu         | 5.5  | 4.75 | 3.75   | 14    |
| 11  | 03500110 | Ngô Mạnh           | 03/05/2010 | THCS TT Đu         | 4    | 6    | 6      | 16    |
| 12  | 03500111 | Trình Tiến         | 17/02/2010 | THCS Cổ Lũng       | 5    | 6    | 4.25   | 15.25 |
| 13  | 03500112 | Vũ Văn             | 01/09/2010 | THCS Vô Tranh      | 0.5  | 5.5  | 2.5    | 8.5   |
| 14  | 03500113 | Bùi Khánh          | 05/08/2010 | THCS SC1           | 6.25 | 6.75 | 9      | 22    |
| 15  | 03500114 | Bùi Vũ             | 20/09/2010 | THCS TT Đu         | 4.75 | 5.25 | 4.5    | 14.5  |
| 16  | 03500115 | Hoàng Đức          | 06/02/2010 | THCS Minh Lập      |      |      |        | 0     |
| 17  | 03500116 | Nguyễn Đức         | 13/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1     | 3.5  | 7.25 | 5.25   | 16    |
| 18  | 03500117 | Nguyễn Văn         | 21/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1     | 5.25 | 4.25 | 6      | 15.5  |
| 19  | 03500118 | Phạm Ngọc          | 09/01/2010 | THCS Phấn Mễ 1     | 1.75 | 3    | 2.75   | 7.5   |
| 20  | 03500119 | Phạm Quốc          | 26/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1     | 7.25 | 6.75 | 6.25   | 20.25 |
| 21  | 03500120 | Chu Ánh            | 15/05/2010 | THCS Vô Tranh      | 6.5  | 9    | 5.25   | 20.75 |
| 22  | 03500121 | Đỗ Mỹ              | 18/07/2010 | THCS Cổ Lũng       | 4.75 | 6    | 4.75   | 15.5  |
| 23  | 03500122 | Hà Quang           | 29/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1     | 8    | 5.5  | 6.25   | 19.75 |
| 24  | 03500123 | Đinh Đại           | 25/05/2010 | THCS Tức Tranh     | 2.5  | 4.25 | 2.75   | 9.5   |
| 25  | 03500124 | Lương Thị Thùy     | 29/03/2010 | THCS TT Đu         | 8.5  | 7.25 | 5      | 20.75 |
| 26  | 03500125 | Nguyễn Thị Ánh     | 13/08/2010 | THCS TT Đu         | 8.25 | 6.75 | 4      | 19    |
| 27  | 03500126 | Nguyễn Thị Thùy    | 03/06/2010 | THCS Phấn Mễ 2     | 4.25 | 6.25 | 2.25   | 12.75 |
| 28  | 03500127 | Nịnh Hoàng         | 19/04/2010 | THCS TT Đu         | 5.5  | 5.5  | 2.25   | 13.25 |
| 29  | 03500128 | Phạm Đức           | 02/11/2010 | TH & THCS SC 2     | 4.25 | 5.75 | 3.75   | 13.75 |
| 30  | 03500129 | Phạm Thùy          | 26/02/2010 | THCS Tức Tranh     | 3    | 5.75 | 2.25   | 11    |
| 31  | 03500130 | Trần Công          | 03/12/2010 | THCS Cổ Lũng       | 9    | 6.5  | 4.5    | 20    |
| 32  | 03500131 | Phan Thanh         | 30/01/2010 | THCS NT PL         | 5.5  | 7.25 | 7.5    | 20.25 |
| 33  | 03500132 | Đỗ Hoàng Linh      | 14/08/2010 | THCS Cổ Lũng       | 8.5  | 6.75 | 4.5    | 19.75 |

Danh sách có 33 học sinh

**TRƯỜNG THPT TỨC TRẠNH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoảng ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 5**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500133 | Trần Lộc Bảo       | Đan   | 05/10/2010 | THCS Tức Tranh | 2.25 | 6.25 | 2.5     | 11    |
| 2   | 03500134 | Đinh Quang         | Đạo   | 23/06/2010 | THCS Vô Tranh  | 4.75 | 4.5  | 3.5     | 12.75 |
| 3   | 03500135 | Đặng Vũ            | Đạt   | 24/08/2010 | THCS Cổ Lũng   | 7.75 | 5.5  | 7       | 20.25 |
| 4   | 03500136 | Hầu Đức            | Đạt   | 18/03/2010 | THCS Tức Tranh | 3    | 6.75 | 2       | 11.75 |
| 5   | 03500137 | Nguyễn Tiến        | Đạt   | 20/07/2010 | THCS Phú Đô    | 6.75 | 6.25 | 5.75    | 18.75 |
| 6   | 03500138 | Nguyễn Hải         | Đăng  | 29/11/2010 | THCS Cổ Lũng   | 4.75 | 1    | 3.75    | 9.5   |
| 7   | 03500139 | Nguyễn Nhật        | Đăng  | 09/08/2010 | THCS SC 1      | 9.25 | 7    | 8.25    | 24.5  |
| 8   | 03500140 | Triệu Hải          | Đăng  | 12/10/2010 | THCS Vô Tranh  | 6.25 | 6.25 | 5       | 17.5  |
| 9   | 03500141 | Lưu Thị Lam        | Diễn  | 30/06/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 4.5  | 5.75 | 4.25    | 14.5  |
| 10  | 03500142 | Nguyễn Ngọc        | Định  | 26/07/2010 | THCS Vô Tranh  | 4.75 | 6.25 | 3.25    | 14.25 |
| 11  | 03500143 | Lý Văn             | Đoàn  | 10/08/2010 | THCS Tức Tranh | 5    | 7.25 | 3.25    | 15.5  |
| 12  | 03500144 | Lý Anh             | Đông  | 31/05/2010 | THCS Minh Lập  | 8.25 | 6.25 | 4.25    | 18.75 |
| 13  | 03500145 | Bế Minh            | Đức   | 28/08/2010 | THCS NT PL     | 7.5  | 6.5  | 7.25    | 21.25 |
| 14  | 03500146 | Hoàng Anh          | Đức   | 09/07/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6.5  | 4.5  | 3       | 14    |
| 15  | 03500147 | Nguyễn Mạnh        | Đức   | 02/09/2010 | THCS TT Đu     | 7.75 | 5.75 | 3.25    | 16.75 |
| 16  | 03500148 | Nguyễn Trung       | Đức   | 16/12/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6    | 4.25 | 2.75    | 13    |
| 17  | 03500149 | Nguyễn Văn         | Đức   | 25/01/2010 | THCS Minh Lập  | 1    | 3.25 | 2       | 6.25  |
| 18  | 03500150 | Đỗ Hương           | Giang | 07/10/2010 | THCS NT PL     | 8.25 | 8.5  | 8       | 24.75 |
| 19  | 03500151 | Hà Long            | Giang | 25/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 4.25 | 5.5  | 2       | 11.75 |
| 20  | 03500152 | Hoàng Thanh        | Giang | 27/01/2010 | THCS Văn Lãng  | 5    | 5.5  | 1.75    | 12.25 |
| 21  | 03500153 | Nguyễn Minh        | Giang | 03/12/2010 | THCS Minh Lập  | 0.75 | 5.75 | 3.25    | 9.75  |
| 22  | 03500154 | Nguyễn Thị Hương   | Giang | 13/03/2010 | THCS Tức Tranh | 8.5  | 7.75 | 6.25    | 22.5  |
| 23  | 03500155 | Phạm Hương         | Giang | 06/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 5.5  | 7.25 | 5.5     | 18.25 |
| 24  | 03500156 | Phạm Nguyễn Hương  | Giang | 30/07/2010 | THCS Cổ Lũng   | 3.75 | 6    | 3       | 12.75 |
| 25  | 03500157 | Phạm Thị Thùy      | Giang | 17/10/2010 | THCS Phấn Mễ 2 | 8.5  | 6.25 | 5       | 19.75 |
| 26  | 03500158 | Vũ Trường          | Giang | 23/01/2010 | THCS Phú Đô    | 6.25 | 6    | 3       | 15.25 |
| 27  | 03500159 | Nịnh Quỳnh         | Giao  | 14/10/2010 | THCS Tức Tranh | 2    | 6    | 2       | 10    |
| 28  | 03500160 | Đàm Thị Thanh      | Hà    | 03/04/2010 | THCS Yên Lạc   | 2.75 | 5.75 | 4.25    | 12.75 |
| 29  | 03500161 | Đàm Thị Thu        | Hà    | 12/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1 |      |      |         | 0     |
| 30  | 03500162 | Đỗ Thị             | Hà    | 27/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 6.5  | 6.75 | 5.25    | 18.5  |
| 31  | 03500163 | Hầu Ngọc           | Hà    | 15/09/2010 | THCS Tức Tranh | 3    | 5.5  | 5.25    | 13.75 |
| 32  | 03500164 | Lại Thị            | Hà    | 29/05/2010 | THCS Phú Đô    | 5.25 | 6.25 | 3.25    | 14.75 |
| 33  | 03500165 | Phạm Hồng          | Hà    | 24/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 8    | 6.25 | 6.5     | 20.75 |

Danh sách có 33 học sinh

**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**

**Phòng 6**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |      | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500166 | Phạm Việt          | Hà   | 31/01/2010 | THCS Tức Tranh  | 9.25 | 6.75 | 7.25   | 23.25 |
| 2   | 03500167 | Phùng Thanh        | Hà   | 21/02/2010 | THCS Tức Tranh  | 5    | 7    | 4.25   | 16.25 |
| 3   | 03500168 | Trần Thị Thanh     | Hà   | 01/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 8.25 | 8.75 | 9      | 26    |
| 4   | 03500169 | Trần Văn           | Hà   | 04/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 3.5  | 6.25 | 4.25   | 14    |
| 5   | 03500170 | Triệu Quang        | Hà   | 04/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 3.75 | 6    | 3.25   | 13    |
| 6   | 03500171 | Dương Hoàng        | Hải  | 16/06/2010 | THCS Cổ Lũng    | 7.25 | 6.25 | 2.5    | 16    |
| 7   | 03500172 | Dương Nguyễn Đức   | Hải  | 19/07/2010 | THCS TT Đu      | 4.75 | 5.75 | 4.5    | 15    |
| 8   | 03500173 | Hà Thanh           | Hải  | 28/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8.75 | 6.75 | 4.75   | 20.25 |
| 9   | 03500174 | Hầu Đức            | Hải  | 08/02/2010 | THCS Phú Đô     | 5.5  | 5.75 | 2.25   | 13.5  |
| 10  | 03500175 | Hoàng Vũ           | Hải  | 14/09/2010 | THCS NT PL      | 4.75 | 6.25 | 2.75   | 13.75 |
| 11  | 03500176 | Ngô Thị Hồng       | Hải  | 16/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1  |      |      |        | 0     |
| 12  | 03500177 | Phan Quốc          | Hạnh | 31/08/2010 | THCS Hợp Thành  | 2    | 3.5  | 2.5    | 8     |
| 13  | 03500178 | Hoàng Thị Bích     | Hạnh | 14/11/2010 | TH & THCS SC 2  | 5.75 | 6.75 | 3.25   | 15.75 |
| 14  | 03500179 | Trần Thị Mỹ        | Hạnh | 23/07/2010 | THCS Phú Đô     | 6    | 7.25 | 3.25   | 16.5  |
| 15  | 03500180 | Nguyễn Minh        | Hằng | 20/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.5  | 7.25 | 6.75   | 20.5  |
| 16  | 03500181 | Nguyễn Thị Minh    | Hằng | 26/08/2010 | THCS Giang Tiên | 7.5  | 6.75 | 4.75   | 19    |
| 17  | 03500182 | Nguyễn Thị Minh    | Hằng | 23/05/2010 | THCS Yên Lạc    | 2.25 | 7.75 | 3.5    | 13.5  |
| 18  | 03500183 | Lý Bảo             | Hân  | 21/12/2010 | THCS Minh Lập   | 2.25 | 5.75 | 4      | 12    |
| 19  | 03500184 | Nguyễn Bảo         | Hân  | 26/09/2010 | THCS Sơn Cẩm    | 4.5  | 6.5  | 5.75   | 16.75 |
| 20  | 03500185 | Nguyễn Ngọc        | Hân  | 03/09/2010 | THCS TT Đu      | 5.5  | 7    | 7.5    | 20    |
| 21  | 03500186 | Hoàng Công         | Hậu  | 09/11/2010 | THCS Cổ Lũng    | 8    | 5.75 | 7.25   | 21    |
| 22  | 03500187 | Phan Mai           | Hiền | 04/04/2010 | THCS Hợp Thành  | 4.75 | 6    | 6      | 16.75 |
| 23  | 03500188 | Nguyễn Ngọc        | Hiền | 28/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 5.75 | 7    | 5      | 17.75 |
| 24  | 03500189 | Dương Hoàng        | Hiệp | 28/10/2010 | THCS TT Đu      | 6.5  | 6    | 4.25   | 16.75 |
| 25  | 03500190 | Hà Tiến            | Hiệp | 27/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 7.75 | 6.75 | 4.75   | 19.25 |
| 26  | 03500191 | Hà Đỗ Minh         | Hiếu | 07/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 2.75 | 6.5  | 5.25   | 14.5  |
| 27  | 03500192 | Lê Trung           | Hiếu | 17/04/2010 | THCS Cổ Lũng    | 3    | 5    | 2      | 10    |
| 28  | 03500193 | Nguyễn Trọng       | Hiếu | 19/10/2010 | THCS Giang Tiên | 3.25 | 6    | 3.75   | 13    |
| 29  | 03500194 | Nguyễn Trung       | Hiếu | 11/04/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 2.25 | 6.25 | 4.5    | 13    |
| 30  | 03500195 | Nguyễn Trung       | Hiếu | 29/01/2010 | THCS TT Đu      | 4.75 | 5.25 | 3.75   | 13.75 |
| 31  | 03500196 | Nguyễn Văn         | Hiếu | 19/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 0    | 5.5  | 2.25   | 7.75  |
| 32  | 03500197 | Nguyễn Văn         | Hiếu |            | THCS Vô Tranh   |      |      |        | 0     |
| 33  | 03500198 | Phạm Hoàng         | Hiếu | 15/10/2010 | THCS SC 1       | 5.75 | 6.75 | 4.25   | 16.75 |

Danh sách có 33 học sinh

**TRƯỜNG THPT TỨC TRẠNH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 7**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500199 | Phạm Trung         | Hiếu  | 14/06/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8    | 6.75 | 3.75   | 18.5  |
| 2   | 03500200 | Trần Trung         | Hiếu  | 30/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.5  | 7.25 | 4      | 16.75 |
| 3   | 03500201 | Vũ Minh            | Hiếu  | 23/08/2010 | THCS Phấn Mễ    | 5.5  | 6.25 | 5      | 16.75 |
| 4   | 03500202 | Vy Xuân            | Hình  | 18/08/2010 | THCS Phú Đô     | 7.25 | 7.25 | 3.75   | 18.25 |
| 5   | 03500203 | Nguyễn Quỳnh       | Hoa   | 02/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 2.25 | 5.5  | 3.25   | 11    |
| 6   | 03500204 | Phan Thị           | Hoa   | 10/07/2010 | THCS Hợp Thành  | 6    | 8.25 | 3.75   | 18    |
| 7   | 03500205 | Trạc Thị           | Hòa   | 03/06/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.75 | 6.75 | 3.5    | 17    |
| 8   | 03500206 | Mạch Thu           | Hoài  | 12/11/2010 | TH & THCS SC 2  | 5.25 | 6.25 | 5.5    | 17    |
| 9   | 03500207 | Nguyễn Thu         | Hoài  | 13/04/2010 | THCS NT PL      | 7.75 | 7    | 7.5    | 22.25 |
| 10  | 03500208 | Bùi Huy            | Hoàng | 27/07/2010 | THCS Minh Lập   | 2.25 | 6.25 | 2.75   | 11.25 |
| 11  | 03500209 | La Việt            | Hoàng | 29/03/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8.5  | 6.25 | 5.25   | 20    |
| 12  | 03500210 | Miêu Văn           | Hoàng | 06/01/2010 | TH & THCS SC 2  | 9.25 | 6.5  | 4      | 19.75 |
| 13  | 03500211 | Nguyễn Đình Minh   | Hoàng | 30/12/2010 | THCS Minh Lập   | 5.25 | 6.25 | 3.25   | 14.75 |
| 14  | 03500212 | Nguyễn Việt        | Hoàng | 29/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 1.5  | 6    | 2      | 9.5   |
| 15  | 03500213 | Phạm Văn Việt      | Hoàng | 27/12/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.5  | 6.5  | 4.75   | 17.75 |
| 16  | 03500214 | Trần Lê Việt       | Hoàng | 14/03/2010 | THCS TT Đu      | 3.75 | 5    | 2.5    | 11.25 |
| 17  | 03500215 | Trần Văn           | Hoàng | 23/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 5.5  | 6    | 4.25   | 15.75 |
| 18  | 03500216 | Trương Minh        | Hoàng | 19/12/2010 | THCS Cổ Lũng    | 5.5  | 7    | 3.75   | 16.25 |
| 19  | 03500217 | Bùi Văn            | Hoạt  | 15/08/2010 | THCS Tức Tranh  | 0    | 5.25 | 2.5    | 7.75  |
| 20  | 03500218 | Nguyễn Thanh       | Hoạt  | 26/02/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.5  | 6    | 4.5    | 17    |
| 21  | 03500219 | Phan Thị           | Hồng  | 10/07/2010 | THCS Hợp Thành  | 8.25 | 7.5  | 6.5    | 22.25 |
| 22  | 03500220 | Trần Thủy          | Hồng  | 06/03/2010 | THCS TT Đu      | 8.5  | 7    | 6.5    | 22    |
| 23  | 03500221 | Đoàn Phương        | Huế   | 21/01/2010 | THCS Tức Tranh  | 7    | 6.5  | 4      | 17.5  |
| 24  | 03500222 | Nịnh Thị           | Huế   | 22/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 2    | 6.5  | 2.5    | 11    |
| 25  | 03500223 | Trần Thị Minh      | Huệ   | 30/09/2010 | THCS Phú Đô     | 6.5  | 7.75 | 5.25   | 19.5  |
| 26  | 03500224 | Đặng Tuấn          | Hùng  | 14/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7.25 | 7    | 5.25   | 19.5  |
| 27  | 03500225 | Trần Quốc          | Hùng  | 28/02/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.5  | 5.75 | 3      | 11.25 |
| 28  | 03500226 | Trần Xuân          | Hùng  | 16/12/2010 | THCS Yên Lạc    | 3    | 6.5  | 8.75   | 18.25 |
| 29  | 03500227 | Đào Quang          | Huy   | 25/07/2010 | THCS Phú Đô     | 7.25 | 7.5  | 2.75   | 17.5  |
| 30  | 03500228 | Đỗ Quang           | Huy   | 04/07/2010 | THCS Giang Tiên | 4.25 | 5    | 4.75   | 14    |
| 31  | 03500229 | Hoàng Quốc         | Huy   | 16/08/2010 | THCS Vô Tranh   | 1    | 5.5  | 3.5    | 10    |
| 32  | 03500230 | Lâm Trần           | Huy   | 04/04/2010 | THCS Vô Tranh   | 2    | 6.5  | 3      | 11.5  |
| 33  | 03500231 | Lường Gia          | Huy   | 20/09/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 8    | 7    | 6.5    | 21.5  |

Danh sách có 33 học sinh

**TRƯỜNG THPT TỨC TRẠNH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 8**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500232 | Nguyễn Quốc        | Huy   | 10/05/2010 | THCS Hợp Thành  | 7.25 | 6.75 | 5.5    | 19.5  |
| 2   | 03500233 | Nguyễn Sơn         | Huy   | 02/06/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7.25 | 6.25 | 6.25   | 19.75 |
| 3   | 03500234 | Nịnh Quang         | Huy   | 24/12/2010 | THCS Phú Đô     | 7    | 6    | 3.25   | 16.25 |
| 4   | 03500235 | Trần Bùi Quang     | Huy   | 01/03/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.25 | 3    | 2.75   | 8     |
| 5   | 03500236 | Trần Quang         | Huy   | 25/08/2010 | THCS Yên Lạc    | 1    | 3.5  | 1.75   | 6.25  |
| 6   | 03500237 | Dương Ánh          | Huyền | 08/03/2011 | THCS Vô Tranh   | 2.5  | 5.75 | 3.5    | 11.75 |
| 7   | 03500238 | Mai Phương         | Huyền | 23/05/2010 | THCS Giang Tiên | 6.5  | 6    | 6.25   | 18.75 |
| 8   | 03500239 | Mai Thị Thu        | Huyền | 24/09/2010 | THCS TT Đu      | 3.75 | 6.5  | 3      | 13.25 |
| 9   | 03500240 | Phạm Khánh         | Huyền | 06/09/2010 | THCS SC 1       | 5    | 3.75 | 6.25   | 15    |
| 10  | 03500241 | Phạm Khánh         | Huyền | 07/04/2010 | THCS Minh Lập   | 7    | 7    | 3.75   | 17.75 |
| 11  | 03500242 | Phạm Thanh         | Huyền | 21/02/2010 | THCS Tức Tranh  | 5.25 | 6.25 | 2.75   | 14.25 |
| 12  | 03500243 | Vũ Ngọc            | Huyền | 30/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7    | 6.25 | 6.25   | 19.5  |
| 13  | 03500244 | Đàm Văn            | Hưng  | 27/07/2010 | THCS Phú Đô     | 8.5  | 7    | 4.5    | 20    |
| 14  | 03500245 | Phạm Duy           | Hưng  | 18/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 3.5  | 1.5  | 4.25   | 9.25  |
| 15  | 03500246 | Hoàng Lan          | Hương | 04/08/2010 | THCS Cổ Lũng    | 5    | 6.75 | 3.5    | 15.25 |
| 16  | 03500247 | Lê Quỳnh           | Hương | 19/09/2010 | THCS SC1        | 5    | 6    | 5.75   | 16.75 |
| 17  | 03500248 | Nguyễn Thị Lan     | Hương | 25/06/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 6    | 6.25 | 3      | 15.25 |
| 18  | 03500249 | Nguyễn Thị Mai     | Hương | 02/08/2010 | THCS Phú Đô     | 6.75 | 6.5  | 5.75   | 19    |
| 19  | 03500250 | Nguyễn Thị Thu     | Hương | 25/05/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 5    | 7    | 5.25   | 17.25 |
| 20  | 03500251 | Trương Thu         | Hương | 14/02/2010 | THCS Cổ Lũng    | 2.75 | 6    | 3.75   | 12.5  |
| 21  | 03500252 | Phương Thị Thúy    | Hường | 04/11/2010 | THCS Yên Lạc    | 1.75 | 2.25 | 3      | 7     |
| 22  | 03500253 | Trần Thúy          | Hường | 10/03/2010 | THCS Phú Đô     | 6    | 7.25 | 3      | 16.25 |
| 23  | 03500254 | Trạc Thị           | Hường | 24/10/2010 | THCS Tức Tranh  | 5.75 | 6.5  | 5      | 17.25 |
| 24  | 03500255 | Lã Nông Quang      | Khải  | 03/07/2010 | THCS Hợp Thành  | 3.5  | 5    | 2.5    | 11    |
| 25  | 03500256 | Trần Mạnh          | Khang | 08/06/2010 | THCS SC 1       | 6.75 | 6.5  | 5.25   | 18.5  |
| 26  | 03500257 | Bùi Hoàng Quốc     | Khánh | 02/09/2010 | THCS TT Đu      | 0.75 | 1.75 | 3.25   | 5.75  |
| 27  | 03500258 | Chu Hoàng          | Khánh | 20/08/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.5  | 7    | 7      | 20.5  |
| 28  | 03500259 | Dương Ngọc         | Khánh | 14/12/2010 | THCS SC 1       | 4.75 | 5.75 | 3.25   | 13.75 |
| 29  | 03500260 | Hoàng Quốc         | Khánh | 10/01/2010 | THCS Giang Tiên | 5.25 | 4.75 | 5.5    | 15.5  |
| 30  | 03500261 | Nịnh Quốc          | Khánh | 30/10/2010 | THCS Yên Lạc    | 0.25 | 4    | 4.5    | 8.75  |
| 31  | 03500262 | Phạm Văn           | Khánh | 22/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 6    | 6.5  | 4      | 16.5  |
| 32  | 03500263 | Phó Duy            | Khánh | 04/02/2010 | THCS Minh Lập   | 7    | 6.25 | 4      | 17.25 |
| 33  | 03500264 | Trần Duy           | Khánh | 11/03/2010 | THCS SC 1       | 5.5  | 5.5  | 5.75   | 16.75 |

Danh sách có 33 học sinh

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 9**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp              | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|------------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500265 | Trần Nguyễn        | Khánh  | 08/12/2010 | THCS Phú Đô      | 4.25 | 5.5  | 3.5    | 13.25 |
| 2   | 03500266 | Vũ Duy             | Khánh  | 26/12/2010 | THCS Quang Trung | 6.25 | 6.25 | 2.5    | 15    |
| 3   | 03500267 | Vương Bảo          | Khánh  | 16/12/2010 | THCS TT Đu       | 8.25 | 5.75 | 2.5    | 16.5  |
| 4   | 03500268 | Hoàng Tú           | Khiêm  | 09/08/2010 | THCS TT Đu       | 8.5  | 6.25 | 5.25   | 20    |
| 5   | 03500269 | Hoàng Văn          | Khiêm  | 21/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1   | 1.5  | 3.5  | 2      | 7     |
| 6   | 03500270 | Nguyễn Văn         | Khiêm  | 10/12/2009 | THCS Túc Tranh   |      | 4.25 | 1.75   | 6     |
| 7   | 03500271 | Lê Đăng            | Khôi   | 06/05/2010 | THCS Cổ Lũng     | 5.75 | 6.5  | 5.5    | 17.75 |
| 8   | 03500272 | Bùi Nguyễn Minh    | Khuê   | 14/04/2010 | THCS NT PL       | 8.25 | 8.75 | 9.5    | 26.5  |
| 9   | 03500273 | Dương Thị Minh     | Khuê   | 24/07/2010 | THCS SC 1        | 8.25 | 7.25 | 7.75   | 23.25 |
| 10  | 03500274 | Đoàn Thị Minh      | Khuê   | 27/09/2010 | THCS TT Đu       | 8.25 | 6.75 | 6      | 21    |
| 11  | 03500275 | Lê Kim             | Khuyên | 28/01/2010 | THCS Vô Tranh    | 6.5  | 7    | 3.75   | 17.25 |
| 12  | 03500276 | Trương Ngọc        | Khuyên | 04/03/2010 | THCS TT Đu       |      |      |        | 0     |
| 13  | 03500277 | Trần Duy           | Khương | 14/07/2010 | THCS Túc Tranh   | 1.5  | 6.25 | 4      | 11.75 |
| 14  | 03500278 | Doãn Thế           | Kiên   | 30/08/2010 | THCS NT PL       | 5.5  | 6.75 | 5.5    | 17.75 |
| 15  | 03500279 | Đinh Trung         | Kiên   | 10/02/2010 | TH & THCS SC 2   | 6.25 | 6.25 | 4.75   | 17.25 |
| 16  | 03500280 | Đỗ Trung           | Kiên   | 29/07/2010 | THCS Túc Tranh   | 8    | 7    | 6.75   | 21.75 |
| 17  | 03500281 | Mạch Duy           | Kiên   | 12/04/2010 | TH & THCS SC 2   | 0.5  | 5.75 | 2.75   | 9     |
| 18  | 03500282 | Nịnh Trung         | Kiên   | 06/01/2009 | THCS Túc Tranh   | 1.25 | 5    | 3.25   | 9.5   |
| 19  | 03500283 | Đặng Lý Giai       | Kiệt   | 20/05/2010 | THCS TT Đu       | 3.75 | 4    | 4.75   | 12.5  |
| 20  | 03500284 | Lý Anh             | Kiệt   | 28/07/2010 | THCS Cổ Lũng     | 5.5  | 3.5  | 1.75   | 10.75 |
| 21  | 03500285 | Trần Anh           | Kiệt   | 24/10/2010 | THCS Phú Đô      | 5.5  | 6    | 2      | 13.5  |
| 22  | 03500286 | Bùi Thị Thúy       | Kiều   | 07/02/2009 | THCS TT Đu       | 2    | 3.25 | 3.75   | 9     |
| 23  | 03500287 | La Huyền           | Kiều   | 28/04/2010 | THCS Phấn Mễ 1   | 7.25 | 6    | 4.5    | 17.75 |
| 24  | 03500288 | Trần Trọng         | Kim    | 19/08/2010 | THCS Phú Đô      | 7    | 2.25 | 5.25   | 14.5  |
| 25  | 03500289 | Khổng Thiên        | Lam    | 08/10/2010 | THCS Yên Ninh    | 8.5  | 7.5  | 5.25   | 21.25 |
| 26  | 03500290 | Nguyễn Bá Thu      | Lan    | 01/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1   | 5.75 | 4.75 | 3.75   | 14.25 |
| 27  | 03500291 | Nguyễn Vũ Ngọc     | Lan    | 30/10/2010 | THCS Phấn Mễ 2   | 4.75 | 1.75 | 4      | 10.5  |
| 28  | 03500292 | Phạm Thảo          | Lan    | 02/01/2010 | THCS TT Đu       | 5.75 | 6.75 | 7.25   | 19.75 |
| 29  | 03500293 | Thị Thị Mai        | Lan    | 28/09/2010 | TH & THCS SC 2   | 5    | 6.5  | 3.5    | 15    |
| 30  | 03500294 | Vương Hoàng        | Lan    | 30/12/2010 | THCS Yên Lạc     |      | 0    | 1.75   | 1.75  |
| 31  | 03500295 | Đỗ Đức             | Lãnh   | 12/04/2010 | THCS Minh Lập    | 5.25 | 6.5  | 3      | 14.75 |
| 32  | 03500296 | Dương Sơn          | Lâm    | 05/05/2010 | THCS TT Đu       | 5    | 6.75 | 4.5    | 16.25 |
| 33  | 03500297 | Dương Tùng         | Lâm    | 26/10/2010 | THCS TT Đu       | 6.5  | 5.75 | 4      | 16.25 |

Danh sách có 33 học sinh

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |      | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500298 | Hoàng Thiện        | Lâm  | 27/10/2010 | THCS TT Đu      | 6    | 5.25 | 4      | 15.25 |
| 2   | 03500299 | Lương Sơn          | Lâm  | 24/05/2010 | THCS TT Đu      | 4.75 | 5    | 4.5    | 14.25 |
| 3   | 03500300 | Nguyễn Bảo         | Lâm  | 22/10/2010 | THCS Hợp Thành  | 7.25 | 5.5  | 3.25   | 16    |
| 4   | 03500301 | Nguyễn Công        | Lâm  | 17/12/2010 | THCS Hóa Thượng | 5    | 5.5  | 5      | 15.5  |
| 5   | 03500302 | Nguyễn Quang       | Lâm  | 28/08/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 6.25 | 4.75 | 5.25   | 16.25 |
| 6   | 03500303 | Nguyễn Sơn         | Lâm  | 15/07/2010 | THCS Cổ Lũng    | 8.75 | 6.75 | 9.5    | 25    |
| 7   | 03500304 | Nguyễn Thế         | Lâm  | 15/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.75 | 5.75 | 3      | 13.5  |
| 8   | 03500305 | Quách Bảo          | Lâm  | 16/06/2010 | THCS SC 1       |      |      |        | 0     |
| 9   | 03500306 | Trịnh Bảo          | Lâm  | 01/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 5    | 4.5  | 4.75   | 14.25 |
| 10  | 03500307 | Trần Nhật          | Lệ   | 04/03/2010 | THCS Túc Tranh  | 4.75 | 6.75 | 3.5    | 15    |
| 11  | 03500308 | Đặng Mai           | Liên | 04/01/2010 | THCS SC 1       | 8.75 | 7.25 | 8.75   | 24.75 |
| 12  | 03500309 | Bùi Phương         | Linh | 05/05/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.75 | 5.5  | 6      | 18.25 |
| 13  | 03500310 | Dương Bảo          | Linh | 14/12/2010 | THCS SC 1       | 7    | 6    | 5.5    | 18.5  |
| 14  | 03500311 | Đào Thị            | Linh | 12/01/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 7.5  | 6.25 | 5      | 18.75 |
| 15  | 03500312 | Hà Hải             | Linh | 11/02/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 6    | 7    | 5.5    | 18.5  |
| 16  | 03500313 | Hoàng Diệu         | Linh | 13/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.5  | 7    | 3.25   | 15.75 |
| 17  | 03500314 | Hoàng Mai          | Linh | 11/08/2010 | THCS Hợp Thành  | 5.25 | 6    | 3      | 14.25 |
| 18  | 03500315 | Lưu Thùy           | Linh | 12/08/2010 | THCS TT Đu      | 2.75 | 5.75 | 3.75   | 12.25 |
| 19  | 03500316 | Ngô Thị Thùy       | Linh | 19/11/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 6.25 | 6    | 4.25   | 16.5  |
| 20  | 03500317 | Nguyễn Bảo         | Linh | 06/08/2010 | THCS TT Đu      | 7    | 7    | 6.5    | 20.5  |
| 21  | 03500318 | Nguyễn Diệu        | Linh | 05/03/2010 | THCS TT Đu      | 8    | 7.75 | 4.5    | 20.25 |
| 22  | 03500319 | Nguyễn Dương Thùy  | Linh | 03/09/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 8.25 | 6.5  | 6.25   | 21    |
| 23  | 03500320 | Nguyễn Hà          | Linh | 29/07/2010 | THCS NT PL      | 3    | 7.25 | 3.75   | 14    |
| 24  | 03500321 | Nguyễn Mai         | Linh | 06/07/2010 | THCS TT Đu      | 5    | 6.5  | 6      | 17.5  |
| 25  | 03500322 | Nguyễn Phương      | Linh | 13/06/2010 | THCS TT Đu      | 5    | 6.25 | 2.75   | 14    |
| 26  | 03500323 | Nguyễn Quyền       | Linh | 31/03/2010 | TH & THCS SC 2  | 4    | 5    | 3.5    | 12.5  |
| 27  | 03500324 | Nguyễn Thùy        | Linh | 02/11/2010 | THCS SC 1       | 9    | 8.25 | 8.5    | 25.75 |
| 28  | 03500325 | Nịnh Thị Kim       | Linh | 20/03/2010 | THCS Túc Tranh  | 2    | 5.75 | 1.5    | 9.25  |
| 29  | 03500326 | Phạm Khánh         | Linh | 11/08/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 4.5  | 3.25 | 6      | 13.75 |
| 30  | 03500327 | Trần Ngọc          | Linh | 24/09/2010 | THCS HVT        | 3.75 | 5.75 | 4      | 13.5  |
| 31  | 03500328 | Trần Ngọc          | Linh | 28/01/2010 | THCS Phần Mẽ 1  | 6.5  | 7    | 3.5    | 17    |
| 32  | 03500329 | Trần Phạm Thùy     | Linh | 13/11/2010 | THCS Túc Tranh  | 3    | 6    | 6.5    | 15.5  |
| 33  | 03500330 | Trần Thị Mỹ        | Linh | 06/12/2010 | THCS TT Đu      | 2    | 4.75 | 3.25   | 10    |

Danh sách có 33 học sinh

**THPT TỨC TRANH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 18/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 11**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500331 | Trần Thị Ngọc      | Linh  | 15/10/2010 | THCS Vô Tranh  | 7    | 6.75 | 5.25   | 19    |
| 2   | 03500332 | Nguyễn Thị Thanh   | Loan  | 18/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 2.75 | 5.5  | 1.5    | 9.75  |
| 3   | 03500333 | Đoàn Ngọc          | Long  | 04/11/2010 | THCS Tức Tranh | 3    | 5    | 3      | 11    |
| 4   | 03500334 | Ngọc Thiên         | Long  | 10/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 6.75 | 6.25 | 7.75   | 20.75 |
| 5   | 03500335 | Ngô Quang          | Long  | 08/12/2010 | THCS Vô Tranh  | 5.75 | 5    | 4      | 14.75 |
| 6   | 03500336 | Trần Minh          | Long  | 10/03/2010 | THCS Tức Tranh | 4.25 | 6.25 | 2.5    | 13    |
| 7   | 03500337 | Trần Quang         | Long  | 21/07/2010 | THCS Tức Tranh | 5    | 4.5  | 3.75   | 13.25 |
| 8   | 03500338 | Nguyễn Thế         | Lộc   | 26/10/2010 | THCS TT Đu     | 6.75 | 5.75 | 6.5    | 19    |
| 9   | 03500339 | Tạ Anh             | Lợi   | 12/10/2010 | THCS Phú Đô    | 7.25 | 4.5  | 4.5    | 16.25 |
| 10  | 03500340 | Hoàng Thị          | Luyến | 11/02/2010 | THCS Văn Lãng  | 2.25 | 5    | 2.5    | 9.75  |
| 11  | 03500341 | Bùi Văn            | Lương | 09/02/2010 | THCS Tức Tranh | 3.75 | 2.5  | 3      | 9.25  |
| 12  | 03500342 | Hoàng Lưu          | Lương | 08/11/2010 | THCS Vô Tranh  | 5.5  | 5.25 | 1.5    | 12.25 |
| 13  | 03500343 | Đào Quỳnh          | Ly    | 03/04/2010 | THCS Tức Tranh | 5    | 5    | 3.75   | 13.75 |
| 14  | 03500344 | Đỗ Khánh           | Ly    | 05/12/2010 | THCS TT Đu     | 7    | 6.5  | 5.75   | 19.25 |
| 15  | 03500345 | Hà Thị Khánh       | Ly    | 18/02/2010 | THCS Minh Lập  | 3    | 5.5  | 2.75   | 11.25 |
| 16  | 03500346 | Hầu Yến            | Ly    | 15/11/2010 | THCS Tức Tranh | 4    | 6.25 | 2.75   | 13    |
| 17  | 03500347 | La Thị Khánh       | Ly    | 03/08/2010 | THCS Phú Đô    | 2    | 6    | 3.25   | 11.25 |
| 18  | 03500348 | Mã Thị Khánh       | Ly    | 17/12/2010 | THCS Yên Lạc   | 3.25 | 5    | 3.5    | 11.75 |
| 19  | 03500349 | Ngô Hải            | Ly    | 16/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 8.25 | 5.75 | 5.25   | 19.25 |
| 20  | 03500350 | Nguyễn Thị Diệu    | Ly    | 23/01/2010 | THCS Phú Đô    | 4.25 | 5.25 | 3.75   | 13.25 |
| 21  | 03500351 | Nguyễn Thị Hiếu    | Ly    | 21/07/2010 | THCS Tức Tranh | 7.75 | 4.5  | 4.75   | 17    |
| 22  | 03500352 | Nịnh Thị Hà        | Ly    | 16/04/2010 | THCS NT PL     | 7.5  | 6.25 | 5.25   | 19    |
| 23  | 03500353 | Trần Diệu Phương   | Ly    | 07/07/2010 | TH & THCS SC 2 | 6.5  | 6.25 | 7.25   | 20    |
| 24  | 03500354 | Trần Khánh         | Ly    | 04/07/2010 | THCS Tức Tranh | 2.75 | 6    | 4.5    | 13.25 |
| 25  | 03500355 | Lê Quỳnh           | Mai   | 26/01/2010 | THCS Tức Tranh | 2.25 | 4.75 | 2.25   | 9.25  |
| 26  | 03500356 | Nguyễn Xuân        | Mai   | 15/03/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 3.25 | 6    | 2.75   | 12    |
| 27  | 03500357 | Nguyễn Thị Thanh   | Mai   | 04/11/2010 | THCS SC 1      | 5.5  | 6    | 5.25   | 16.75 |
| 28  | 03500358 | Trần Ngọc          | Mai   | 04/01/2010 | THCS Tức Tranh | 3.75 | 6.5  | 7      | 17.25 |
| 29  | 03500359 | Trần Xuân          | Mai   | 29/09/2010 | THCS Tức Tranh | 2.5  | 6.5  | 4.75   | 13.75 |
| 30  | 03500360 | Trịnh Thị Xuân     | Mai   | 03/07/2010 | THCS Cù Vân    | 7.25 | 6.75 | 5      | 19    |
| 31  | 03500361 | Vũ Quỳnh           | Mai   | 22/01/2010 | TH & THCS SC 2 | 5    | 5    | 2.25   | 12.25 |
| 32  | 03500362 | Đỗ Đức             | Mạnh  | 20/10/2010 | THCS Cổ Lũng   | 2.75 | 6.5  | 3.5    | 12.75 |
| 33  | 03500363 | Lý Duy             | Mạnh  | 23/02/2010 | THCS TT Đu     | 3.5  | 4.25 | 3.75   | 11.5  |

Danh sách có 33 học sinh

**TRƯỜNG THPT TỨC TRANH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoảng ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 12**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |      | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|------|------------|----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500364 | Trần Văn           | Mạnh | 02/10/2010 | THCS Minh Lập  | 2.75 | 6.25 | 3       | 12    |
| 2   | 03500365 | Ngô Trà            | Mi   | 29/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 5    | 3.5  | 3.5     | 12    |
| 3   | 03500366 | Đoàn Lê            | Minh | 19/06/2010 | THCS Tân Long  | 7    | 5    | 6.5     | 18.5  |
| 4   | 03500367 | Hoàng Nhật         | Minh | 17/09/2010 | THCS TT Đu     | 7.75 | 4.75 | 4       | 16.5  |
| 5   | 03500368 | Lý Tuấn            | Minh | 06/03/2010 | THCS Văn Lãng  | 5    | 5.75 | 3.25    | 14    |
| 6   | 03500369 | Mai Bảo Ngọc       | Minh | 19/11/2010 | THCS Cổ Lũng   | 5.75 | 5    | 4.25    | 15    |
| 7   | 03500370 | Nguyễn Ngọc        | Minh | 25/09/2010 | THCS Cổ Lũng   | 5.5  | 4.5  | 4.25    | 14.25 |
| 8   | 03500371 | Nguyễn Quang       | Minh | 18/07/2010 | THCS SC1       |      |      |         | 0     |
| 9   | 03500372 | Tạ Tuấn            | Minh | 03/01/2010 | THCS Vô Tranh  | 6.75 | 6.75 | 4.75    | 18.25 |
| 10  | 03500373 | Đào Trà            | My   | 11/03/2010 | THCS SC 1      | 8    | 7.5  | 5.75    | 21.25 |
| 11  | 03500374 | Đoàn Thị Trà       | My   | 06/05/2010 | THCS Tức Tranh | 3.5  | 3.5  | 4       | 11    |
| 12  | 03500375 | Đỗ Hà              | My   | 07/07/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6    | 7    | 3.5     | 16.5  |
| 13  | 03500376 | Hà                 | My   | 28/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 8    | 7.5  | 5       | 20.5  |
| 14  | 03500377 | Hầu Thị Trà        | My   | 03/04/2010 | THCS Tức Tranh | 7    | 7    | 4.25    | 18.25 |
| 15  | 03500378 | Lê Thảo            | My   | 19/12/2010 | THCS Tức Tranh | 5.25 | 5.75 | 4       | 15    |
| 16  | 03500379 | Lý Trà             | My   | 08/08/2010 | THCS TT Đu     | 6.25 | 6    | 4.25    | 16.5  |
| 17  | 03500380 | Nguyễn Hà          | My   | 13/03/2010 | THCS TT Đu     | 8    | 6.75 | 7       | 21.75 |
| 18  | 03500381 | Nguyễn Hà          | My   | 27/02/2010 | THCS Vô Tranh  | 4.5  | 6.75 | 3.75    | 15    |
| 19  | 03500382 | Nguyễn Thị Trà     | My   | 19/05/2010 | THCS Phú Đô    | 5    | 6    | 4       | 15    |
| 20  | 03500383 | Nguyễn Thị Trà     | My   | 11/10/2010 | THCS Tức Tranh | 5.5  | 7    | 3       | 15.5  |
| 21  | 03500384 | Nguyễn Vũ Uyên     | My   | 22/06/2010 | THCS Cổ Lũng   | 7.5  | 5.75 | 5.25    | 18.5  |
| 22  | 03500385 | Phạm Hà            | My   | 17/07/2010 | THCS TT Đu     | 5.75 | 7.5  | 5       | 18.25 |
| 23  | 03500386 | Vũ Trần Hà         | My   | 01/11/2010 | THCS Yên Lạc   | 6.25 | 7.25 | 5.5     | 19    |
| 24  | 03500387 | Nguyễn Lâm         | Mỹ   | 01/10/2010 | THCS TT Đu     | 5.25 | 4.75 | 4.25    | 14.25 |
| 25  | 03500388 | Nguyễn Thị         | Na   | 30/06/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 5.75 | 7.75 | 4.25    | 17.75 |
| 26  | 03500389 | Diệp Hoài          | Nam  | 14/07/2010 | TH & THCS SC 2 | 6.25 | 7.25 | 5.5     | 19    |
| 27  | 03500390 | Hà Hoài            | Nam  | 24/08/2010 | THCS Tức Tranh | 4    | 4    | 3       | 11    |
| 28  | 03500391 | Lục Viết           | Nam  | 28/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 9.5  | 5.25 | 9       | 23.75 |
| 29  | 03500392 | Lý Phương          | Nam  | 10/07/2010 | THCS TT Đu     | 8.25 | 7    | 5.75    | 21    |
| 30  | 03500393 | Nguyễn Hoài        | Nam  | 06/06/2010 | THCS Yên Lạc   | 2.5  | 6    | 5       | 13.5  |
| 31  | 03500394 | Nguyễn Ngọc        | Nam  | 13/04/2010 | THCS TT Đu     | 7    | 6.25 | 5.25    | 18.5  |
| 32  | 03500395 | Nguyễn Văn         | Nam  | 03/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 2.75 | 4.75 | 5       | 12.5  |
| 33  | 03500396 | Phạm Huy           | Nam  | 19/10/2010 | TH & THCS SC 2 | 0    | 4    | 2.75    | 6.75  |

Danh sách có 33 học sinh

**KÌ THI THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoảng ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**

**Phòng 13**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500397 | Diệp Thị Kim       | Ngân   | 30/08/2010 | TH & THCS SC 2  | 4.25 | 5.75 | 4.5     | 14.5  |
| 2   | 03500398 | Dương Kim          | Ngân   | 31/12/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.75 | 5.5  | 4.25    | 15.5  |
| 3   | 03500399 | Nguyễn Hoàng       | Ngân   | 25/05/2010 | THCS SC 1       | 5.75 | 4.5  | 3.75    | 14    |
| 4   | 03500400 | Phạm Thị Kim       | Ngân   | 28/11/2010 | THCS Phú Đô     | 3.25 | 6    | 2.75    | 12    |
| 5   | 03500401 | Trần Thị Kim       | Ngân   | 01/06/2010 | THCS Hợp Thành  | 6    | 6.25 | 4       | 16.25 |
| 6   | 03500402 | Trần Thu           | Ngân   | 15/01/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.25 | 7.25 | 6       | 19.5  |
| 7   | 03500403 | Bùi Văn            | Nghĩa  | 19/08/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.25 | 5    | 2.5     | 10.75 |
| 8   | 03500404 | Lê Quang           | Nghĩa  | 28/12/2010 | THCS Tức Tranh  | 6    | 5.75 | 3       | 14.75 |
| 9   | 03500405 | Lê Văn             | Nghĩa  | 05/12/2010 | TH & THCS SC 2  | 3.5  | 4    | 1.75    | 9.25  |
| 10  | 03500406 | Nguyễn Văn         | Nghĩa  | 25/11/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.25 | 3.25 | 1.75    | 7.25  |
| 11  | 03500407 | Nguyễn Văn         | Nghĩa  | 22/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 1    | 4    | 3       | 8     |
| 12  | 03500408 | Dương Thị Bảo      | Ngọc   | 18/06/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.75 | 6    | 5.5     | 18.25 |
| 13  | 03500409 | Đặng Thị Hồng      | Ngọc   | 17/02/2010 | THCS Yên Lạc    | 1.75 | 5.25 | 3       | 10    |
| 14  | 03500410 | Đoàn Đức           | Ngọc   | 31/12/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.75 | 3.75 | 2.75    | 11.25 |
| 15  | 03500411 | Hà Bảo             | Ngọc   | 04/10/2010 | THCS Giang Tiên | 7    | 7.5  | 5.5     | 20    |
| 16  | 03500412 | Hà Yến             | Ngọc   | 19/01/2010 | THCS Vô Tranh   | 2.5  | 4.5  | 4.25    | 11.25 |
| 17  | 03500413 | Nguyễn Khánh       | Ngọc   | 22/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 4.5  | 6    | 4.25    | 14.75 |
| 18  | 03500414 | Nguyễn Thế         | Ngọc   | 30/06/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.25 | 5.5  | 2.75    | 11.5  |
| 19  | 03500415 | Nguyễn Thị Ánh     | Ngọc   | 27/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 5.75 | 7.5  | 6.5     | 19.75 |
| 20  | 03500416 | Phạm Minh          | Ngọc   | 23/03/2010 | THCS Tức Tranh  | 4.75 | 5.75 | 4.5     | 15    |
| 21  | 03500417 | Trần Bảo           | Ngọc   | 29/11/2010 | THCS Minh Lập   | 3.25 | 3    | 4       | 10.25 |
| 22  | 03500418 | Vương Ninh Ánh     | Ngọc   | 05/03/2010 | THCS Hợp Thành  | 6.75 | 6.5  | 3       | 16.25 |
| 23  | 03500419 | Bùi Thảo           | Nguyên | 08/11/2010 | THCS TT Đu      | 6.25 | 7    | 4       | 17.25 |
| 24  | 03500420 | Đoàn Bảo           | Nguyên | 26/07/2010 | THCS SC1        | 4.5  | 5.25 | 4.5     | 14.25 |
| 25  | 03500421 | Hoàng Thảo         | Nguyên | 18/07/2010 | THCS Tức Tranh  | 3.25 | 5.75 | 3.5     | 12.5  |
| 26  | 03500422 | Phùng Thảo         | Nguyên | 02/09/2010 | THCS Tức Tranh  | 6    | 7.25 | 6.5     | 19.75 |
| 27  | 03500423 | Trần Trung         | Nguyên | 14/03/2010 | THCS Phú Đô     | 5    | 4.5  | 1.5     | 11    |
| 28  | 03500424 | Hoàng Thị          | Nguyệt | 06/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 6.25 | 6.75    | 16.5  |
| 29  | 03500425 | Nguyễn Thị Thu     | Nguyệt | 19/12/2010 | THCS Tức Tranh  | 4.5  | 7    | 4.25    | 15.75 |
| 30  | 03500426 | Vì Quỳnh           | Nha    | 03/08/2010 | THCS Văn Lăng   | 3.5  | 4.25 | 3       | 10.75 |
| 31  | 03500427 | Hoàng Thế          | Nhất   | 04/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 3.25 | 4.25 | 5.75    | 13.25 |
| 32  | 03500428 | Bế Quang           | Nhật   | 07/11/2010 | THCS TT Đu      | 4.5  | 4.5  | 5.75    | 14.75 |
| 33  | 03500429 | Lê Duy Minh        | Nhật   | 19/11/2010 | THCS NT PL      | 5.75 | 4.75 | 4       | 14.5  |

Danh sách có 33 học sinh

**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**

**Phòng 14**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500430 | Bùi Yến            | Nhi    | 05/11/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.5  | 4.25 | 2.25   | 9     |
| 2   | 03500431 | Đỗ Khánh           | Nhi    | 20/12/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.5  | 4.25 | 3.25   | 14    |
| 3   | 03500432 | Lâm Thị Yến        | Nhi    | 04/10/2010 | THCS Phú Đô     | 2    | 7    | 4.25   | 13.25 |
| 4   | 03500433 | Lô Yến             | Nhi    | 09/08/2010 | THCS Văn Lãng   | 4.25 | 5.75 | 3.5    | 13.5  |
| 5   | 03500434 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Nhi    | 04/04/2010 | THCS Cổ Lũng    | 3.25 | 3.5  | 4.25   | 11    |
| 6   | 03500435 | Nguyễn Thị Uyển    | Nhi    | 04/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 2.75 | 5    | 4.75   | 12.5  |
| 7   | 03500436 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 21/09/2010 | THCS Vô Tranh   | 5    | 5.75 | 5.25   | 16    |
| 8   | 03500437 | Trần Thị Yến       | Nhi    | 02/07/2010 | THCS Phú Đô     | 5.5  | 7    | 3.5    | 16    |
| 9   | 03500438 | Vũ Thị Phương      | Nhi    | 20/06/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 6    | 4.5  | 3.5    | 14    |
| 10  | 03500439 | Lê Thụy            | Nhiên  | 11/03/2010 | TH & THCS SC 2  | 7.5  | 7.75 | 6      | 21.25 |
| 11  | 03500440 | Bàng Thị           | Nhung  | 08/01/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 2.75 | 4.75 | 3.5    | 11    |
| 12  | 03500441 | Hoàng Thị          | Nhung  | 13/12/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.5  | 5.5  | 3.25   | 15.25 |
| 13  | 03500442 | Trần Thị Cẩm       | Nhung  | 30/10/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 7    | 7.25 | 4.5    | 18.75 |
| 14  | 03500443 | Dương Quỳnh        | Như    | 27/02/2010 | THCS Minh Lập   | 6.75 | 6.5  | 3.25   | 16.5  |
| 15  | 03500444 | Đỗ Trần Ý          | Như    | 05/01/2010 | THCS Phú Đô     | 2.75 | 4    | 2      | 8.75  |
| 16  | 03500445 | Phùng Diễm         | Như    | 09/11/2010 | THCS Tức Tranh  | 1.5  | 5.5  | 3.75   | 10.75 |
| 17  | 03500446 | Lương Thị          | Oanh   | 24/03/2010 | THCS Yên Lạc    | 5.75 | 6    | 4.5    | 16.25 |
| 18  | 03500447 | Lương Trần Kiều    | Oanh   | 27/11/2010 | THCS NT PL      | 8.5  | 6.5  | 6.75   | 21.75 |
| 19  | 03500448 | Dương Gia          | Phong  | 23/09/2010 | THCS TT Đu      | 2.25 | 5    | 3      | 10.25 |
| 20  | 03500449 | Dương Văn          | Phong  | 25/01/2006 | THCS Văn Lãng   | 9.5  | 5.75 | 5.75   | 21    |
| 21  | 03500450 | Đào Thanh          | Phong  | 22/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 8.25 | 4    | 4.25   | 16.5  |
| 22  | 03500451 | Đặng Ngọc          | Phong  | 03/06/2010 | THCS Minh Lập   | 7.5  | 6.25 | 2.75   | 16.5  |
| 23  | 03500452 | Khổng Doãn Vũ      | Phong  | 31/12/2010 | THCS TT Đu      | 7.5  | 4.75 | 8      | 20.25 |
| 24  | 03500453 | Lê Hồng            | Phong  | 06/01/2010 | THCS TT Đu      | 7.25 | 5.75 | 4.25   | 17.25 |
| 25  | 03500454 | Ma Hồng            | Phong  | 06/12/2010 | THCS Giang Tiên | 3.5  | 4.25 | 3.25   | 11    |
| 26  | 03500455 | Nịnh Thanh         | Phong  | 25/10/2010 | THCS Tức Tranh  | 0    | 3.75 | 2      | 5.75  |
| 27  | 03500456 | Tạ Đông            | Phong  | 15/10/2010 | THCS Phú Đô     | 7.75 | 5.5  | 2.25   | 15.5  |
| 28  | 03500457 | Hoàng Xuân         | Phú    | 27/09/2010 | THCS Vô Tranh   | 1.5  | 5.25 | 2      | 8.75  |
| 29  | 03500458 | Hoàng Bảo          | Phúc   | 22/12/2010 | THCS Cổ Lũng    | 8.25 | 5.75 | 5.25   | 19.25 |
| 30  | 03500459 | Hoàng Trọng        | Phúc   | 05/12/2010 | THCS Giang Tiên | 4.25 | 2.5  | 3.25   | 10    |
| 31  | 03500460 | Nguyễn Minh        | Phúc   | 03/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 7.75 | 5.5  | 6.5    | 19.75 |
| 32  | 03500461 | Nguyễn Tiến        | Phúc   | 09/09/2010 | THCS Minh Lập   | 3.5  | 5.5  | 2.75   | 11.75 |
| 33  | 03500462 | Dương Thị Minh     | Phương | 21/02/2010 | THCS TT Đu      | 2    | 7    | 3.25   | 12.25 |

Danh sách có 33 học sinh

**THPT TRẦN TRẠNH**  
**KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khóa ngày: 11/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 15**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500463 | Đặng Duy           | Phương | 03/07/2010 | TH & THCS SC 2  | 7.5  | 6    | 2.5    | 16    |
| 2   | 03500464 | Đỗ Thị Minh        | Phương | 08/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8.75 | 7.75 | 7.25   | 23.75 |
| 3   | 03500465 | Lưu Thị Cúc        | Phương | 10/06/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.25 | 5.75 | 3.25   | 13.25 |
| 4   | 03500466 | Mạc Thị Mai        | Phương | 27/08/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6    | 5.5  | 5      | 16.5  |
| 5   | 03500467 | Nguyễn Hoài        | Phương | 01/03/2010 | THCS Hợp Thành  | 2    | 3.25 | 2      | 7.25  |
| 6   | 03500468 | Nguyễn Khánh       | Phương | 22/08/2010 | THCS Phú Đô     | 6.75 | 7    | 4.25   | 18    |
| 7   | 03500469 | Nguyễn Thị Mai     | Phương | 23/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 5.25 | 6.75 | 4.5    | 16.5  |
| 8   | 03500470 | Trần Thị Lan       | Phương | 11/02/2010 | THCS Phú Đô     | 4.25 | 6    | 2.75   | 13    |
| 9   | 03500471 | Lưu Văn            | Quang  | 05/05/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 4.75 | 3.75   | 12    |
| 10  | 03500472 | Trần Tuấn          | Quang  | 15/08/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.75 | 6.25 | 3      | 12    |
| 11  | 03500473 | Bùi Minh           | Quân   | 24/10/2009 | THCS Đông Anh   |      |      |        | 0     |
| 12  | 03500474 | Dương Minh         | Quân   | 13/07/2010 | THCS Tức Tranh  | 5.25 | 5.75 | 4.5    | 15.5  |
| 13  | 03500475 | Dương Minh         | Quân   | 21/07/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4    | 4.25 | 2      | 10.25 |
| 14  | 03500476 | Đào Minh           | Quân   | 29/09/2010 | THCS Giang Tiên | 5.5  | 4    | 4.25   | 13.75 |
| 15  | 03500477 | Hoàng Mạnh         | Quân   | 26/10/2010 | THCS Văn Lãng   | 1    | 4    | 2.75   | 7.75  |
| 16  | 03500478 | Lý Hồng            | Quân   | 06/12/2010 | THCS TT Đu      | 2.25 | 4.25 | 4      | 10.5  |
| 17  | 03500479 | Nguyễn Hải         | Quân   | 07/07/2010 | THCS Tức Tranh  | 8.5  | 4.75 | 7      | 20.25 |
| 18  | 03500480 | Nguyễn Mạnh        | Quân   | 02/10/2010 | THCS Phú Đô     | 7    | 6.75 | 3.75   | 17.5  |
| 19  | 03500481 | Trần Minh          | Quân   | 09/03/2010 | THCS Vô Tranh   | 4.25 | 5.5  | 4      | 13.75 |
| 20  | 03500482 | Vũ Khắc            | Quân   | 18/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 4.75 | 4.25 | 4      | 13    |
| 21  | 03500483 | Đoàn Thị           | Quyên  | 13/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.25 | 6.75 | 5.25   | 15.25 |
| 22  | 03500484 | Hà Thị             | Quyên  | 12/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.25 | 7    | 3.75   | 15    |
| 23  | 03500485 | Lưu Tú             | Quyên  | 18/10/2010 | THCS TT Đu      | 7    | 5.75 | 6.25   | 19    |
| 24  | 03500486 | Nguyễn Lệ          | Quyên  | 10/05/2010 | THCS Tức Tranh  | 3.25 | 5.25 | 2.75   | 11.25 |
| 25  | 03500487 | Vũ Quang           | Quyên  | 15/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 6.25 | 3      | 12.75 |
| 26  | 03500488 | Nguyễn Tiến        | Quyết  | 17/02/2010 | THCS Giang Tiên | 5.5  | 6.25 | 3      | 14.75 |
| 27  | 03500489 | Đào Thị Như        | Quỳnh  | 01/01/2010 | THCS Phú Đô     | 7.75 | 7    | 5.5    | 20.25 |
| 28  | 03500490 | Đoàn Diễm          | Quỳnh  | 26/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.5  | 4.25 | 6.5    | 16.25 |
| 29  | 03500491 | Đỗ Thị Như         | Quỳnh  | 04/08/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 5.25 | 2.75   | 11.5  |
| 30  | 03500492 | Lương Phương       | Quỳnh  | 02/01/2010 | THCS NT PL      | 6    | 7    | 5.75   | 18.75 |
| 31  | 03500493 | Nguyễn Diễm        | Quỳnh  | 15/03/2010 | THCS Tức Tranh  | 7.25 | 6    | 4.5    | 17.75 |
| 32  | 03500494 | Nguyễn Mạnh        | Quỳnh  | 01/03/2010 | THCS Phú Đô     | 5.75 | 5    | 4.25   | 15    |
| 33  | 03500495 | Phạm Ngọc Khánh    | Quỳnh  | 09/01/2010 | TH & THCS SC 2  | 7.25 | 6.75 | 7.25   | 21.25 |

Danh sách có 33 học sinh

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|-----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500496 | Nguyễn Đình        | Sáng  | 02/01/2010 | THCS TT Đu      | 6.75 | 5.5  | 5.5    | 17.75 |
| 2   | 03500497 | Nguyễn Phong       | Sơn   | 05/11/2010 | THCS NT PL      | 7.75 | 5.25 | 4.5    | 17.5  |
| 3   | 03500498 | Nguyễn Phú         | Tài   | 01/01/2010 | THCS TT Đu      | 3.75 | 4    | 3.5    | 11.25 |
| 4   | 03500499 | Vương Đức          | Tài   | 09/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.5  | 4    | 3.75   | 12.25 |
| 5   | 03500500 | Nguyễn Thanh       | Tâm   | 17/04/2010 | THCS Túc Tranh  | 6.5  | 6.5  | 5.5    | 18.5  |
| 6   | 03500501 | Trần Thanh         | Tâm   | 06/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.25 | 5.5  | 4.75   | 16.5  |
| 7   | 03500502 | Lý Văn             | Tân   | 26/09/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.75 | 7.5  | 7.5    | 21.75 |
| 8   | 03500503 | Nông Nguyễn Gia    | Thái  | 22/02/2010 | THCS Minh Lập   | 2.25 | 7.75 | 4      | 14    |
| 9   | 03500504 | Đặng Hoàng         | Thanh | 02/05/2010 | THCS TT Đu      | 5    | 4.5  | 5.5    | 15    |
| 10  | 03500505 | Nguyễn Mai         | Thanh | 30/09/2010 | THCS Giang Tiên | 4.5  | 7.5  | 3.25   | 15.25 |
| 11  | 03500506 | Hoàng Tuấn         | Thành | 28/04/2010 | THCS Phú Đô     | 5    | 3.5  | 3.75   | 12.25 |
| 12  | 03500507 | Nguyễn Lâm         | Thành | 01/12/2010 | THCS Yên Lạc    | 2    | 3    | 3.25   | 8.25  |
| 13  | 03500508 | Trần Quý           | Thành | 08/08/2010 | THCS SC 1       | 1.5  | 5.75 | 2.25   | 9.5   |
| 14  | 03500509 | Bùi Thanh          | Thảo  | 24/02/2010 | THCS TT Đu      | 2    | 5    | 3      | 10    |
| 15  | 03500510 | Đặng Phương        | Thảo  | 06/05/2010 | THCS Túc Tranh  | 5.75 | 7    | 8.25   | 21    |
| 16  | 03500511 | Đặng Thanh         | Thảo  | 03/02/2010 | THCS Minh Lập   | 3.5  | 6.75 | 2.5    | 12.75 |
| 17  | 03500512 | Lê Thanh           | Thảo  | 12/02/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 2.25 | 3.5  | 3.5    | 9.25  |
| 18  | 03500513 | Lưu Phương         | Thảo  | 29/09/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.75 | 5.5  | 3.25   | 15.5  |
| 19  | 03500514 | Lưu Phương         | Thảo  | 4/3/2010   | THCS Phấn Mễ 1  | 3    | 6    | 2.25   | 11.25 |
| 20  | 03500515 | Nguyễn Phương      | Thảo  | 07/10/2010 | THCS Tân Long   | 7.5  | 5.5  | 3.75   | 16.75 |
| 21  | 03500516 | Nguyễn Thị Phương  | Thảo  | 21/10/2010 | THCS Văn Lãng   | 2.25 | 7    | 1      | 10.25 |
| 22  | 03500517 | Nguyễn Thị Phương  | Thảo  | 02/06/2010 | THCS Văn Lãng   | 3    | 4.5  | 2.5    | 10    |
| 23  | 03500518 | Nguyễn Thị Phương  | Thảo  | 24/12/2010 | THCS Túc Tranh  | 2    | 4.75 | 5.75   | 12.5  |
| 24  | 03500519 | Vì Dạ              | Thảo  | 06/11/2010 | THCS Hợp Thành  | 3    | 5.5  | 2.5    | 11    |
| 25  | 03500520 | Vũ Phương          | Thảo  | 09/06/2010 | THCS Túc Tranh  | 7.75 | 7    | 8      | 22.75 |
| 26  | 03500521 | Vương Thị          | Thảo  | 18/09/2010 | THCS Yên Lạc    | 4.5  | 5.5  | 3.75   | 13.75 |
| 27  | 03500522 | Đỗ Thị             | Thắm  | 28/08/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 4.5  | 5.25 | 3.75   | 13.5  |
| 28  | 03500523 | Phạm Thị Hồng      | Thắm  | 02/05/2010 | THCS Túc Tranh  | 7    | 7    | 6.75   | 20.75 |
| 29  | 03500524 | Lưu Đình           | Thắng | 08/01/2010 | THCS TT Đu      | 5.5  | 4.75 | 2.75   | 13    |
| 30  | 03500525 | Tô Việt            | Thắng | 28/06/2010 | THCS Minh Lập   | 5.25 | 5.5  | 4      | 14.75 |
| 31  | 03500526 | Hầu Thị Ngọc       | Thân  | 08/10/2010 | THCS Yên Lạc    | 1    | 5.75 | 3.5    | 10.25 |
| 32  | 03500527 | Vũ Thị Hồng        | Thêu  | 21/12/2010 | THCS Túc Tranh  | 3    | 5    | 4      | 12    |
| 33  | 03500528 | Cao Bảo            | Thi   | 06/09/2010 | THCS Phú Đô     | 6.5  | 7.75 | 7.75   | 22    |

Danh sách có 33 học sinh



**TRƯỜNG THCS TRẦN TRẠNH**  
**KẾT THỦY VÀO LỚP 10 ĐỢT 2**

Khoá ngày: 01/5/2025

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 17**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500529 | Nguyễn Phạm Lam    | Thiên  | 18/10/2010 | THCS TT Đu     | 0.25 | 5    | 2.75   | 8     |
| 2   | 03500530 | Trần Văn           | Thiện  | 26/11/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 2.25 | 4    | 3.5    | 9.75  |
| 3   | 03500531 | Trương Ngọc        | Thiện  | 28/12/2010 | THCS DTM       | 3    | 7.25 | 2.75   | 13    |
| 4   | 03500532 | Phạm Đức           | Thịnh  | 17/05/2010 | THCS Tức Tranh | 7.25 | 5.25 | 2      | 14.5  |
| 5   | 03500533 | Ngô Bảo            | Thoa   | 03/03/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 9    | 5.75 | 6.25   | 21    |
| 6   | 03500534 | Trần Nguyễn Kim    | Thoa   | 05/12/2010 | THCS Tức Tranh | 4    | 3.75 | 2.5    | 10.25 |
| 7   | 03500535 | Hoàng Dương Anh    | Thơ    | 22/04/2010 | THCS Vô Tranh  | 3.75 | 5.75 | 4      | 13.5  |
| 8   | 03500536 | Dương Văn          | Thời   | 22/01/2010 | THCS Tức Tranh | 2    | 5.25 | 3      | 10.25 |
| 9   | 03500537 | Bùi Đức            | Thuận  | 30/08/2010 | THCS Tức Tranh | 6.5  | 4    | 6.75   | 17.25 |
| 10  | 03500538 | Nguyễn Đức         | Thuận  | 19/04/2010 | THCS Tức Tranh | 5.75 | 5    | 2.75   | 13.5  |
| 11  | 03500539 | Vũ Đức             | Thuận  | 29/07/2010 | THCS Vô Tranh  | 7    | 7.25 | 5      | 19.25 |
| 12  | 03500540 | Trần Thị Thanh     | Thủy   | 10/05/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 7.5  | 6    | 3.75   | 17.25 |
| 13  | 03500541 | Nguyễn Thanh       | Thúy   | 04/03/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 8    | 6    | 6      | 20    |
| 14  | 03500542 | Hà Lê Phương       | Thùy   | 11/07/2010 | THCS Cổ Lũng   | 7    | 7    | 5      | 19    |
| 15  | 03500543 | Nguyễn Minh        | Thùy   | 01/04/2010 | TH & THCS SC 2 | 7    | 7.25 | 3.5    | 17.75 |
| 16  | 03500544 | Nguyễn Thị         | Thùy   | 11/12/2010 | THCS Phú Đô    | 5.75 | 7.25 | 3.25   | 16.25 |
| 17  | 03500545 | Phạm Thanh         | Thùy   | 07/02/2010 | THCS Tức Tranh | 5.5  | 6.75 | 5.5    | 17.75 |
| 18  | 03500546 | Huỳnh Thanh        | Thùy   | 22/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 4.25 | 5.25 | 3.5    | 13    |
| 19  | 03500547 | Mai Phương         | Thúy   | 21/08/2010 | THCS SC 1      | 7.25 | 5.5  | 4.5    | 17.25 |
| 20  | 03500548 | Vũ Kim             | Thúy   | 04/07/2010 | TH & THCS SC 2 | 7    | 5.75 | 3.5    | 16.25 |
| 21  | 03500549 | Bùi Minh           | Thư    | 06/09/2010 | THCS Nguyễn Du | 6.75 | 7.5  | 3.75   | 18    |
| 22  | 03500550 | Chu Thị Anh        | Thư    | 11/09/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6    | 6.25 | 4.5    | 16.75 |
| 23  | 03500551 | Hoàng Anh          | Thư    | 19/11/2010 | THCS Cổ Lũng   |      |      |        | 0     |
| 24  | 03500552 | Lưu Minh           | Thư    | 06/11/2010 | TH & THCS SC 2 | 7.5  | 6.5  | 4.25   | 18.25 |
| 25  | 03500553 | Mạc Thị Anh        | Thư    | 17/12/2010 | THCS Cổ Lũng   | 5.5  | 7.5  | 2      | 15    |
| 26  | 03500554 | Phạm Minh          | Thư    | 25/05/2010 | THCS SC1       | 3.25 | 2.5  | 4.25   | 10    |
| 27  | 03500555 | Phan Minh          | Thư    | 06/03/2010 | THCS Tức Tranh | 5.5  | 4    | 4.25   | 13.75 |
| 28  | 03500556 | Phan Thị Anh       | Thư    | 26/02/2010 | THCS Yên Lạc   | 2.75 | 8    | 4.5    | 15.25 |
| 29  | 03500557 | Vũ Nguyễn Minh     | Thư    | 14/11/2010 | THCS Tức Tranh |      |      |        | 0     |
| 30  | 03500558 | Đỗ Thị Minh        | Thương | 02/12/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 1    | 5.75 | 3.5    | 10.25 |
| 31  | 03500559 | Lưu Thị Thương     | Thương | 13/02/2010 | TH & THCS SC 2 | 0    | 3.75 | 2.75   | 6.5   |
| 32  | 03500560 | Nịnh Thị Hồng      | Thương | 12/12/2010 | THCS Vô Tranh  | 2    | 6.5  | 3.5    | 12    |
| 33  | 03500561 | Trần Thị Hoài      | Thương | 30/11/2010 | THCS Phú Đô    | 6.25 | 7    | 4.75   | 18    |

Danh sách có 33 học sinh



THPT TÚC TRANH  
KÌ THI: THỬ VÀO LỚP 10 ĐỢT 2

Khóa ngày: 11/5/2025

KẾT QUẢ THI  
Phòng 18

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp            | Toán | Văn  | Ng.ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|----------------|------|------|--------|-------|
| 1   | 03500562 | Lương Thủy         | Tiền   | 13/01/2010 | THCS Cổ Lũng   | 5.5  | 8    | 5.5    | 19    |
| 2   | 03500563 | Dương Anh          | Tiền   | 26/11/2010 | THCS Vô Tranh  | 2.5  | 3    | 2.5    | 8     |
| 3   | 03500564 | Nguyễn Duy         | Tiền   | 18/08/2010 | THCS SC 1      | 4.5  | 4    | 3.5    | 12    |
| 4   | 03500565 | Phan Đình          | Tiền   | 09/11/2010 | THCS Hợp Thành | 5.5  | 4.5  | 5.5    | 15.5  |
| 5   | 03500566 | Trần Hữu           | Tiền   | 15/08/2010 | THCS Phú Đô    | 6.25 | 5.25 | 2.75   | 14.25 |
| 6   | 03500567 | Chu Văn            | Tình   | 23/06/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6.5  | 5    | 3.5    | 15    |
| 7   | 03500568 | Lê Quốc            | Toan   | 04/03/2010 | TH & THCS SC 2 | 4    | 6.5  | 3.5    | 14    |
| 8   | 03500569 | Đàm Văn            | Toàn   | 25/09/2010 | THCS Phú Đô    | 5    | 5.5  | 3.75   | 14.25 |
| 9   | 03500570 | Đặng Văn           | Toàn   | 16/11/2010 | THCS Túc Tranh | 5    | 5    | 4.25   | 14.25 |
| 10  | 03500571 | Nguyễn Chí         | Tôn    | 11/09/2010 | THCS Cổ Lũng   | 9.5  | 6.75 | 4.25   | 20.5  |
| 11  | 03500572 | Đinh Nông Hương    | Trà    | 16/08/2010 | THCS TT Đu     | 6.75 | 6.5  | 5.75   | 19    |
| 12  | 03500573 | Ngô Thị Thu        | Trà    | 10/09/2010 | TH & THCS SC 2 | 8.25 | 8    | 6      | 22.25 |
| 13  | 03500574 | Nguyễn Thị Xuân    | Trà    | 17/12/2010 | THCS TT Đu     | 4.75 | 7    | 6.5    | 18.25 |
| 14  | 03500575 | Phạm Diệp          | Trà    | 16/10/2010 | THCS SC 1      | 4    | 6.5  | 5.75   | 16.25 |
| 15  | 03500576 | Chu Thị Thùy       | Trang  | 16/11/2010 | THCS Minh Lập  | 6.5  | 6.25 | 4.75   | 17.5  |
| 16  | 03500577 | Nguyễn Kiều        | Trang  | 26/09/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 6.75 | 5.25 | 4.75   | 16.75 |
| 17  | 03500578 | Nguyễn Ngọc Hà     | Trang  | 08/05/2010 | THCS Túc Tranh | 7.75 | 6    | 6.25   | 20    |
| 18  | 03500579 | Nguyễn Thị Kiều    | Trang  | 25/07/2010 | THCS Vô Tranh  | 7.5  | 7.5  | 5.25   | 20.25 |
| 19  | 03500580 | Nguyễn Thùy        | Trang  | 07/08/2010 | TH & THCS SC 2 | 4.5  | 3.75 | 4      | 12.25 |
| 20  | 03500581 | Nông Huyền         | Trang  | 07/12/2010 | THCS Vô Tranh  | 6    | 4.25 | 4.75   | 15    |
| 21  | 03500582 | Tô Thị Huyền       | Trang  | 20/10/2009 | THCS TT Đu     | 0.25 | 3.75 | 3.25   | 7.25  |
| 22  | 03500583 | Trần Thị           | Trang  | 03/07/2010 | THCS Túc Tranh | 4.25 | 4.25 | 4.5    | 13    |
| 23  | 03500584 | Trần Thị Quỳnh     | Trang  | 12/06/2010 | THCS Túc Tranh | 2.75 | 5.25 | 4      | 12    |
| 24  | 03500585 | Trịnh Minh         | Trang  | 09/08/2010 | THCS Túc Tranh | 6    | 5.75 | 4.5    | 16.25 |
| 25  | 03500586 | Vũ Hạnh            | Trang  | 22/09/2010 | THCS Cổ Lũng   | 6.25 | 5.5  | 5.25   | 17    |
| 26  | 03500587 | Vũ Ngọc            | Trang  | 20/05/2010 | THCS Túc Tranh | 2    | 6    | 4.75   | 12.75 |
| 27  | 03500588 | Nguyễn Ngọc        | Trâm   | 19/08/2010 | THCS Phấn Mễ 1 | 3.5  | 5.25 | 3      | 11.75 |
| 28  | 03500589 | Trần Thị Huyền     | Trân   | 18/04/2010 | THCS Minh Lập  | 6.5  | 7.5  | 5.25   | 19.25 |
| 29  | 03500590 | Tô Thị Tuyết       | Trinh  | 21/05/2010 | THCS Tân Long  | 7.25 | 5.5  | 6.5    | 19.25 |
| 30  | 03500591 | Trương Văn         | Trọng  | 10/12/2010 | THCS TT Đu     | 5.25 | 4.75 | 4      | 14    |
| 31  | 03500592 | Trần Thanh         | Trúc   | 06/07/2010 | THCS Phú Đô    | 8    | 7.75 | 4.75   | 20.5  |
| 32  | 03500593 | Hầu Đức            | Trung  | 22/09/2010 | THCS Túc Tranh | 3    |      |        | 3     |
| 33  | 03500594 | Đinh Công          | Trường | 31/12/2010 | THCS Túc Tranh | 2    | 4.25 | 1.75   | 8     |

Danh sách có 33 học sinh

**KẾT QUẢ THI**  
**Phòng 19**

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500595 | Lăng Mạnh          | Trường | 12/08/2010 | THCS Vô Tranh   | 8.75 | 6.25 | 3.75    | 18.75 |
| 2   | 03500596 | Mai Xuân           | Trường | 22/03/2010 | THCS Cổ Lũng    | 4.25 | 6    | 3       | 13.25 |
| 3   | 03500597 | Trần Minh          | Trường | 05/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 3.25 | 2    | 3       | 8.25  |
| 4   | 03500598 | Trần Văn           | Trường | 08/10/2009 | THCS Cổ Lũng    | 3.5  | 6.5  | 4.25    | 14.25 |
| 5   | 03500599 | Bùi Cẩm            | Tú     | 20/10/2010 | THCS Văn Lãng   | 2.75 | 4    | 2.75    | 9.5   |
| 6   | 03500600 | Hoàng Anh          | Tú     | 01/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.25 | 5.5  | 4.5     | 15.25 |
| 7   | 03500601 | Lô Anh             | Tú     | 13/11/2010 | THCS Văn Lãng   | 3.5  | 5.5  | 3.25    | 12.25 |
| 8   | 03500602 | Lý Thị Cẩm         | Tú     | 06/12/2010 | THCS Văn Lãng   | 3.75 | 7.25 | 3.75    | 14.75 |
| 9   | 03500603 | Nguyễn Ngọc        | Tú     | 16/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 6.5  | 3.25    | 13.25 |
| 10  | 03500604 | Trương Thị Cẩm     | Tú     | 09/09/2010 | THCS SC 1       | 7.5  | 6.5  | 6       | 20    |
| 11  | 03500605 | Nguyễn Thành       | Tuần   | 18/01/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 8.5  | 7.5  | 6       | 22    |
| 12  | 03500606 | Lăng Thành         | Tuần   | 29/12/2010 | THCS Vô Tranh   | 2.25 | 6.75 | 3.75    | 12.75 |
| 13  | 03500607 | Lê Ngọc            | Tuần   | 30/06/2010 | THCS TT Đu      | 9.25 | 5.25 | 6.25    | 20.75 |
| 14  | 03500608 | Lưu Anh            | Tuần   | 14/04/2010 | THCS Vô Tranh   |      |      |         | 0     |
| 15  | 03500609 | Lưu Hoàng          | Tuần   | 08/05/2010 | THCS Yên Lạc    | 0    | 4.75 | 2.25    | 7     |
| 16  | 03500610 | Lưu Văn            | Tuần   | 11/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.75 | 7    | 3.25    | 17    |
| 17  | 03500611 | Nguyễn Đức         | Tuần   | 12/12/2010 | THCS Văn Lãng   | 1    | 3.5  | 2.75    | 7.25  |
| 18  | 03500612 | Phạm Minh          | Tuần   | 12/07/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7.75 | 7.25 | 4.75    | 19.75 |
| 19  | 03500613 | Vũ Anh             | Tuần   | 12/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 6    | 7.25 | 5.5     | 18.75 |
| 20  | 03500614 | Trương Tâm         | Tuệ    | 09/07/2010 | THCS Vô Tranh   | 7.5  | 7.25 | 5.25    | 20    |
| 21  | 03500615 | Bùi Duy            | Tùng   | 09/10/2010 | THCS TT Đu      | 6.25 | 6    | 4.25    | 16.5  |
| 22  | 03500616 | Hoàng Đức          | Tùng   | 01/02/2010 | THCS Cổ Lũng    | 2.5  | 4    | 4.25    | 10.75 |
| 23  | 03500617 | Mai Đình           | Tùng   | 26/02/2010 | THCS TT Đu      | 6.75 | 5.25 | 4.25    | 16.25 |
| 24  | 03500618 | Trương Ngọc        | Tùng   | 20/10/2010 | THCS TT Đu      | 5.5  | 5.25 | 3       | 13.75 |
| 25  | 03500619 | Nịnh Quang         | Tuyển  | 28/10/2010 | THCS Tức Tranh  | 8.75 | 5.75 | 8.25    | 22.75 |
| 26  | 03500620 | Nịnh Thị Ánh       | Tuyết  | 14/11/2010 | THCS Tức Tranh  | 3    | 5.5  | 5.25    | 13.75 |
| 27  | 03500621 | Phạm Cát           | Tường  | 10/03/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.25 | 4.25 | 7       | 17.5  |
| 28  | 03500622 | Bàn Gia            | Uy     | 31/12/2010 | THCS Giang Tiên | 7.5  | 8.25 | 6       | 21.75 |
| 29  | 03500623 | Đặng Hàm           | Uyên   | 12/01/2010 | THCS TT Đu      | 8.5  | 8.5  | 8       | 25    |
| 30  | 03500624 | Hà Vũ Tổ           | Uyên   | 16/12/2010 | THCS Tức Tranh  | 2.25 | 5.25 | 2.5     | 10    |
| 31  | 03500625 | Lưu Nguyễn Nhã     | Uyên   | 09/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 7.75 | 6.75 | 5       | 19.5  |
| 32  | 03500626 | Trần Thu           | Uyên   | 21/09/2010 | THCS Minh Lập   | 7.25 | 5    | 5.75    | 18    |
| 33  | 03500627 | Vy Thị Thu         | Uyên   | 07/06/2010 | THCS Phú Đô     | 4.25 | 7.5  | 4.25    | 16    |

Danh sách có 33 học sinh

| STT | SBD      | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Lớp             | Toán | Văn  | Ng. ngữ | Tổng  |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|-----------------|------|------|---------|-------|
| 1   | 03500628 | Lê Thanh           | Vân   | 06/11/2010 | THCS Cổ Lũng    | 3.25 | 5.25 | 6.25    | 14.75 |
| 2   | 03500629 | Lô Thanh           | Vân   | 23/05/2010 | THCS Văn Lãng   | 0.25 | 6.25 | 2.25    | 8.75  |
| 3   | 03500630 | Lô Thanh           | Vân   | 23/05/2010 | THCS Văn Lãng   |      |      |         | 0     |
| 4   | 03500631 | Phạm Thị Thảo      | Vân   | 11/08/2010 | THCS Tức Tranh  | 8.75 | 7.5  | 6.75    | 23    |
| 5   | 03500632 | Đình Hà            | Vi    | 04/10/2010 | THCS Cổ Lũng    | 8    | 8    | 8       | 24    |
| 6   | 03500633 | Lê Thị Yến         | Vi    | 30/12/2010 | THCS SC 1       | 7.75 | 6    | 6       | 19.75 |
| 7   | 03500634 | Lương Tường        | Vi    | 17/08/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.75 | 8    | 3.75    | 15.5  |
| 8   | 03500635 | La Phương          | Vĩ    | 19/09/2010 | THCS Yên Lạc    | 4.5  | 4    | 7       | 15.5  |
| 9   | 03500636 | Lục Quốc           | Việt  | 10/11/2010 | THCS Cổ Lũng    | 0    | 3    | 2.5     | 5.5   |
| 10  | 03500637 | Nguyễn Đức         | Việt  | 6/9/2010   | TH & THCS SC 2  | 1.25 | 5.25 | 2.75    | 9.25  |
| 11  | 03500638 | Nguyễn Văn         | Việt  | 19/10/2010 | THCS Tức Tranh  | 0.25 | 3.5  | 4.75    | 8.5   |
| 12  | 03500639 | Nguyễn Bá          | Vinh  | 24/01/2010 | THCS TT Đu      | 5.75 | 7    | 8.75    | 21.5  |
| 13  | 03500640 | Lục Hoàng Trọng    | Vũ    | 15/06/2010 | THCS Vô Tranh   | 3.5  | 7.25 | 3.5     | 14.25 |
| 14  | 03500641 | Nguyễn Minh        | Vũ    | 09/06/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.5  | 0    | 1.5     | 8     |
| 15  | 03500642 | Nguyễn Quang       | Vũ    | 01/10/2010 | THCS TT Đu      | 2.75 | 4.5  | 3.75    | 11    |
| 16  | 03500643 | Trần Minh          | Vũ    | 20/04/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.5  | 5.5  | 3.5     | 15.5  |
| 17  | 03500644 | Vi Quốc            | Vương | 10/01/2010 | THCS Phú Đô     | 8.5  | 7.5  | 4.75    | 20.75 |
| 18  | 03500645 | Hoàng Hải          | Vy    | 24/10/2010 | THCS Văn Lãng   | 1    | 7    | 2.25    | 10.25 |
| 19  | 03500646 | Nguyễn Hà          | Vy    | 14/08/2010 | THCS Hợp Thành  | 5.5  | 6.5  | 3.75    | 15.75 |
| 20  | 03500647 | Phạm Phương        | Vy    | 22/09/2010 | THCS SC 1       | 4.25 | 5.5  | 4.5     | 14.25 |
| 21  | 03500648 | Trần Thị Yến       | Vy    | 07/09/2010 | THCS Phú Đô     | 4.5  | 6    | 3.5     | 14    |
| 22  | 03500649 | Tường              | Vy    | 27/10/2010 | THCS Vô Tranh   | 5    | 7    | 3.25    | 15.25 |
| 23  | 03500650 | Phạm Huy           | Xanh  | 12/07/2010 | THCS Phấn Mễ 2  | 4.75 | 4.25 | 2       | 11    |
| 24  | 03500651 | Hoàng Hải          | Yến   | 24/11/2010 | THCS Vô Tranh   | 6.25 | 7    | 4.5     | 17.75 |
| 25  | 03500652 | Lê Minh            | Yến   | 05/09/2010 | THCS Tức Tranh  | 6.5  | 4.25 | 3.25    | 14    |
| 26  | 03500653 | Lục Thị Bảo        | Yến   | 04/07/2010 | THCS Tức Tranh  | 7    | 7.5  | 4       | 18.5  |
| 27  | 03500654 | Nguyễn Thị Hải     | Yến   | 15/10/2010 | THCS Phấn Mễ 1  | 7    | 8    | 4       | 19    |
| 28  | 03500655 | Nông Hải           | Yến   | 28/01/2010 | THCS Hợp Thành  | 6.25 | 7.5  | 3.25    | 17    |
| 29  | 03500656 | Phạm Hải           | Yến   | 11/07/2010 | THCS TT Đu      | 5.75 | 6    | 2.5     | 14.25 |
| 30  | 03500657 | Trần Bảo           | Yến   | 25/06/2010 | THCS Phú Đô     | 6.75 | 9    | 5.25    | 21    |
| 31  | 03500658 | Vũ Khánh           | Linh  | 16/07/2010 | THCS TT Đu      | 6.25 | 6    | 2.5     | 14.75 |
| 32  | 03500659 | Nguyễn Trung       | Hiếu  | 29/10/2009 | THCS TT Đu      | 1    | 3    | 3.5     | 7.5   |
| 33  | 03500660 | Đào Duy            | Mạnh  | 22/03/2010 | THCS Vô Tranh   | 5.75 | 5.25 | 4       | 15    |
| 34  | 03500661 | Nguyễn Đức         | Thành | 5/8/2010   | THCS Giang Tiên | 6    | 6.75 | 5       | 17.75 |
| 35  | 03500662 | Lục Hà             | Vy    | 8/4/2010   | THCS Cổ Lũng    | 5    | 7    | 3.75    | 15.75 |
| 36  | 03500663 | Nguyễn Gia         | Bảo   | 14/03/2010 | THCS Cổ Lũng    | 6.5  | 6    | 6.75    | 19.25 |
| 37  | 03500664 | Lục Quốc           | Vượng | 3/4/2010   | THCS Vô Tranh   | 5.75 | 4    | 4.75    | 14.5  |

|    |          |              |       |            |                     |      |     |      |       |
|----|----------|--------------|-------|------------|---------------------|------|-----|------|-------|
| 38 | 03500665 | Trạc Văn     | Nghĩa | 6/10/2010  | THCS Tức Tranh      | 3    | 2.5 | 3    | 8.5   |
| 39 | 03500666 | Nguyễn Khánh | Huyền | 10/11/2010 | TH & THCS Sơn Cẩm 2 | 5.5  | 6.5 | 4.25 | 16.25 |
| 40 | 03500667 | Nguyễn Minh  | Hoàng | 4/4/2010   | THCS TT Đu          | 5.25 | 7   | 9.75 | 22    |
| 41 | 03500668 | Trần Văn     | Minh  | 3/2/2010   | THCS Tức Tranh      | 4.25 | 5   | 4    | 13.25 |

*Danh sách có 41 học sinh*